

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 274 /DRC-TK

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG
 - Mã chứng khoán: DRC
 - Địa chỉ trụ sở chính: Lô G, Đường Tạ Quang Bửu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
 - Điện thoại: 0236 3771405
 - Fax: 0236 3771400
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/04/2022.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC UO CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường
niên 2022



Phạm Thị Quỳnh Nga



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

Lô G, đường Tạ Quang Bửu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: 0236 3771405-3771404 Fax: 0236 3771400

Email: vanphong@drc.com.vn

Website: www.drc.com.vn

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG



Tháng 4 năm 2022

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG
Mã chứng khoán: DRC

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

1. Thời gian: 8h00, ngày 27 tháng 4 năm 2022

2. Địa điểm: Khách sạn Minh Toàn Galaxy, số 306 đường 2/9, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

3. Nội dung Đại hội:

- a) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022;
- b) Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán;
- c) Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021; tạm ứng cổ tức năm 2022;
- d) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022;
- đ) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021;
- e) Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
- f) Báo cáo mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty năm 2021 và đề xuất mức thù lao năm 2022;
- g) Báo cáo công tác triển khai thực hiện đầu tư dự án: “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm”;
- h) Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;
- i) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Tài liệu trình Đại hội: Quý cổ đông vui lòng truy cập website của Công ty tại địa chỉ: www.drc.com.vn để nhận tài liệu Đại hội.

5. Thành phần tham dự: Các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng (DRC) có tên trong Danh sách cổ đông theo Thông báo của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Đăng ký tham dự: Cổ đông đăng ký tham dự hoặc ủy quyền đại diện tham dự. Khi tham dự, Quý cổ đông mang theo Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (bản chính) nếu là người được ủy quyền.

Để thuận tiện cho công tác tổ chức, xin vui lòng xác nhận tham dự/ủy quyền qua thư tín, điện thoại, fax, email **trước 16h00 ngày 25/4/2022** về địa chỉ sau:

Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng - Lô G, đường Tạ Quang Bửu, P.Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. ĐT: 0236.3771405, Fax: 0236.3771400, Email: vanphong@drc.com.vn.

Trân trọng!



Nguyễn Xuân Bắc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

DANANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Lô G, đường Tạ Quang Bửu, P.Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
ĐT: 0236 3771405-3771404 Fax: 0236 3771400 Email: vanphong@drc.com.vn
Website: www.drc.com.vn

**GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2022, tôi:

Cổ đông:Mã cổ đông :

Số CMND/CCCD:Ngày cấpNơi cấp :

Điện thoại: Email :

Số lượng cổ phần sở hữu:.....

Bằng giấy này tôi ủy quyền cho:

Ông/Bà:Mã cổ đông

Số CMND/CCCD:Ngày cấpNơi cấp:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Email:.....

Số lượng cổ phần ủy quyền:

Được đại diện tôi tham dự, biểu quyết và thực hiện các quyền khác của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng ngày 27/4/2022.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do người được ủy quyền nhân danh tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên. Tôi công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc ủy quyền.

Bên ủy quyền

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Bên được ủy quyền

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

DANANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Lô G, đường Tạ Quang Bửu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: 0236 3771405-3771404 Fax: 0236 3771400 Email: vanphong@drc.com.vn

Website: www.drc.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

1. Thời gian: 8h00 - 11h15 ngày 27 tháng 4 năm 2022
2. Địa điểm: Khách sạn Minh Toàn Galaxy, số 306 đường 2/9, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

| Thời gian | Nội dung |
|---------------|--|
| 7h30 - 8h00 | - Tiếp đón cổ đông. Làm thủ tục đăng ký. Kiểm tra tư cách cổ đông |
| 8h00 - 8h15 | - Thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông. - Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông. - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch; Đoàn chủ tịch cử Đoàn Thư ký - Bầu ban kiểm phiếu. |
| 8h15 - 9h15 | - Thông qua Quy chế đại hội. - Thông qua Chương trình đại hội. - Thông qua Quy chế biểu quyết. - Trình bày các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội: 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022; 2. Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán; 3. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021; 4. Tờ trình tạm ứng cổ tức năm 2022; 5. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và định hướng năm 2022; 6. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021; 7. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022; 8. Báo cáo mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2021 và đề xuất mức thù lao năm 2022; 9. Báo cáo công tác triển khai thực hiện đầu tư dự án: "Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm"; 10. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; |
| 9h15- 10h15 | Thảo luận và chất vấn. |
| 10h15- 10h30 | Giải lao. |
| 10h30 - 11h00 | Biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết. |
| 11h00 - 11h15 | - Thông qua Biên bản, Nghị quyết. - Bế mạc Đại hội |

BAN TỔ CHỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

DANANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Lô G, đường Tạ Quang Bửu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: 0236 3771405-3771404 Fax: 0236 3771400 Email: vanphong@drc.com.vn

Website: www.drc.com.vn

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG**

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông:

Họ và tên đại diện được ủy quyền:

Số ĐKSH/CMND:

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần ủy quyền:

Tổng số cổ phần biểu quyết:

| |
|--|
| |
|--|

**DRC****CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG****DANANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY**

Lô G, đường Tạ Quang Bửu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: 0236 3771405-3771404 Fax: 0236 3771400 Email: vanphong@drc.com.vn

Website: www.drc.com.vn

**PHIẾU BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG**

Họ và tên Cổ đông/Đại diện:

Số ĐKSH/CMND/CCCD:

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần ủy quyền:

Tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc ủy quyền :

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT:

| Stt | NỘI DUNG | Ý kiến biểu quyết | | |
|-----|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Tán thành | Không tán thành | Không có ý kiến |
| 1 | Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2 | Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3 | Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4 | Tờ trình tạm ứng cổ tức năm 2022 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5 | Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6 | Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7 | Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8 | Báo cáo mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2021 và đề xuất mức thù lao năm 2022 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9 | Báo cáo công tác triển khai thực hiện đầu tư dự án: Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 10 | Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 11 | Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 12 | Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

***Ghi chú:**

Quý cổ đông đánh dấu "X" vào một trong các ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 4 năm 2022

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN

(Ký ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

DANANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Lô G, đường Tạ Quang Bửu, P.Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
ĐT: 0236 3771405-3771404 Fax: 0236 3771400 Email: vanphong@drc.com.vn
Website: www.drc.com.vn

PHIẾU BIỂU QUYẾT TỪ XA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

(Dành cho cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội thực hiện bỏ phiếu từ xa)

1. Thông tin cổ đông:

Số ĐKSH:

Họ và tên cổ đông/Đại diện:

Tổng số cổ phần sở hữu/ủy quyền:

2. Hướng dẫn biểu quyết:

1. Đánh dấu (✓) vào ô vuông biểu quyết (□).

2. Phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ là:

(1) Phiếu điền sai hoặc/và để trống các thông tin cổ đông;

(2) Phiếu để trống các thông tin cần biểu quyết và/hoặc sai theo hướng dẫn biểu quyết.

3. Nội dung biểu quyết:

1. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

2. Báo cáo Tài chính năm 2021 đã kiểm toán

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

3. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

4. Tờ trình Tạm ứng cổ tức năm 2022

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng năm 2022

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|



7. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

8. Báo cáo mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2021 và đề xuất mức thù lao năm 2022

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

9. Báo cáo công tác triển khai thực hiện đầu tư dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm”

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

10. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

11. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

12. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

| | | | | | |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|
| Tán thành | <input type="checkbox"/> | Không tán thành | <input type="checkbox"/> | Không có ý kiến | <input type="checkbox"/> |
|-----------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|

Họ và tên chữ ký của cổ đông
(Ký tên và đóng dấu nếu là tổ chức)



DỰ THẢO

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**QUY CHẾ
BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 01/3/2022;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua Quy chế biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

Điều 1. Mục đích, phạm vi áp dụng

Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức, quy chế biểu quyết các nội dung trong Chương trình nghị sự tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng (Công ty).

Quy chế này được áp dụng trong việc biểu quyết các nội dung trong Chương trình nghị sự tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022.

Điều 2. Các quy định chung về biểu quyết

1. Đối tượng có quyền biểu quyết

Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông/đại diện cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua một (01) trong hai (02) hình thức: thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội; hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Hoàn tất khâu đăng ký và kiểm tra tư cách hợp lệ tại Đại hội hoặc đáp ứng thủ tục của hình thức bỏ phiếu từ xa;

- Thời điểm thực hiện quyền biểu quyết là trước thời điểm Đại hội hoàn tất việc thu thập ý kiến biểu quyết của các cổ đông.

2. Ban kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban kiểm phiếu. Ban tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội Ban kiểm phiếu để chịu trách nhiệm cho công tác kiểm tra tư cách tham dự và công tác kiểm phiếu. Số lượng,



thành viên Ban kiểm phiếu sẽ được cổ đông tham dự Đại hội bầu tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.

3. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

a) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết

Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông/đại diện cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

b) Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết

* Thẻ biểu quyết: là thẻ theo mẫu in sẵn, do Công ty phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách nát... và có đóng dấu của Công ty.

* Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Công ty phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của cổ đông/đại diện cổ đông tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi cổ đông/đại diện cổ đông đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ: nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

c) Hình thức bỏ phiếu từ xa

Trong trường hợp cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội, cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu từ xa. Việc bỏ phiếu từ xa được thực hiện theo trình tự sau:

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một mã số và được thể hiện trên Thư mời tham dự.

- Cổ đông liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để đăng ký thực hiện bỏ phiếu từ xa và nhận Phiếu biểu quyết.

- Sau khi nhận Phiếu biểu quyết, cổ đông in Phiếu biểu quyết và thực hiện việc biểu quyết theo hướng dẫn tại Quy chế này.

- Cổ đông gửi Phiếu biểu quyết đã biểu quyết theo hướng dẫn tại Quy chế này vào địa chỉ Email Công ty hoặc gửi bằng thư bảo đảm về Công ty trước 7h00 ngày 27/4/2022. Việc gửi bằng thư bảo đảm được thực hiện như sau: Phiếu biểu quyết và Thư mời tham dự (bản chính) được bỏ trong một phong bì dán kín ghi rõ thông tin người gửi và người nhận, với thông tin người nhận như sau:

PHIẾU BIỂU QUYẾT

1.001
 ĐƠN
 CỐ F
 CẠI
 DÀI
 HIẾ

Người nhận: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Địa chỉ: Lô G, Đường Tạ Quang Bửu, KCN Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

- Thông tin biểu quyết sẽ được bảo mật cho đến khi Đại hội thực hiện việc kiểm phiếu.

- Tại thời điểm bắt đầu đăng ký, kiểm tra tư cách tham dự tại Đại hội, Ban tổ chức sẽ mở Phiếu biểu quyết của cổ đông bỏ phiếu từ xa để kiểm tra tính hợp lệ về tư cách cổ đông. Đối với các cổ đông đáp ứng về tư cách hợp lệ, Phiếu biểu quyết của các cổ đông bỏ phiếu từ xa sẽ được bỏ vào thùng phiếu và sẽ được kiểm tra và tổng hợp cùng với các Phiếu biểu quyết được phát tại Đại hội theo quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Quy chế biểu quyết

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

a) Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

- Cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

b) Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông/đại diện cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông/đại diện cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “v” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông/đại diện cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện cổ đông.

531.
TY
AN
SU
AN
TP.

2. Điều kiện đề các nội dung biểu quyết được thông qua

Các quyết định được thông qua khi đạt tỷ lệ biểu quyết tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty đối với từng nội dung biểu quyết.

3. Kiểm tra và tổng hợp kết quả

a) Trong trường hợp tại Đại hội phát sinh các nội dung biểu quyết mới hoặc điều chỉnh các nội dung hiện hữu của Chương trình nghị sự thì các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu từ xa sẽ được xem như vắng mặt tại nội dung đó.

b) Tỷ lệ biểu quyết sẽ được tính trên tỷ lệ các cổ đông tham dự trực tiếp tại Đại hội. Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo từng nội dung biểu quyết và được tính theo phần trăm (%).

c) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả biểu quyết và lập thành Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

d) Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau:

- Số cổ phần biểu quyết cho từng nội dung biểu quyết, bao gồm tỷ lệ biểu quyết cho từng tình trạng biểu quyết: Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến.

- Trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm thay mặt Chủ tọa Đại hội công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

Điều 4. Khiếu nại

Những khiếu nại về biểu quyết sẽ được Ban tổ chức thu thập và chuyển đến Chủ tọa Đại hội để giải quyết tại Đại hội.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng năm 2022 thông qua và được áp dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng tổ chức vào ngày 27/4/2022.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Bắc



DƯ THẢO

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 4 năm 2022

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG**

**Chương I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng (gọi tắt là Đại hội).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

1. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham gia Đại hội.

2. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a) Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

b) Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

c) Ban tổ chức sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội; tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền của mình; tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội.

d) Tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải mang theo Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc Thẻ căn cước công dân để làm thủ tục đăng ký, Giấy ủy quyền (đối với đại diện cổ đông). Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ cấp cho cổ đông tham dự một Thẻ biểu quyết. Trên Thẻ



biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Giá trị biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

đ) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội, sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.

e) Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu quả của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

a) Tham gia hoặc ủy quyền tham gia Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty.

b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

c) Cổ đông hay đại diện cổ đông khi tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

d) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do Hội đồng quản trị đề cử và thông qua tại Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ cổ đông đến dự họp; phát tài liệu Đại hội; Thẻ biểu quyết; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Hội đồng quản trị đề cử Ban tổ chức gồm (Đoàn Chủ tọa, Thư ký Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông) để Đại hội thông qua.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao.

4. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phải được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

0400
CỘNG HÒA
CÁI LẬP
HIỆP

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

6. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

7. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản đại hội, dự thảo Nghị quyết và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung theo Chương trình Đại hội.

2. Nội dung chính:

Thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Đoàn Chủ tọa, Thư ký Đại hội.

Bầu Ban kiểm phiếu.

Thông qua Chương trình Đại hội.

Thảo luận, Biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

Chương IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

Điều 10. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu trữ tại Công ty.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1537
CÔNG TY
CÁO SU
ĐÀ NẴNG
TP.

Điều 11. Quy chế này gồm 6 Chương, 11 Điều; được thông qua và có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Bắc



**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Những khó khăn và thách thức chủ yếu đều bắt nguồn từ sự lây lan nghiêm trọng của Đại dịch Covid-19, có thể tổng hợp lại thành ba khó khăn chính như sau:

Thứ nhất, do việc kiểm soát dịch bệnh Covid-19 chặt chẽ làm cho việc di chuyển, đi lại rất khó khăn, giao thương hàng hóa bị giảm sút. Khó khăn từ công tác mua vật tư đầu vào, triển khai sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm trên cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

Thứ hai, tình trạng khan hiếm Container rộng đã đẩy giá thuê tăng 8-10 lần so với quý IV/2020. Chi phí vận chuyển cấu thành trong giá trị hàng hóa đã tăng từ 2% lên hơn 20% làm cho việc tiêu thụ sản phẩm DRC tại nước nhập khẩu khó khăn hơn.

Thứ ba, giá nguyên vật liệu tăng phi mã do giá dầu và chi phí logistic tăng cao, hầu hết nguyên vật liệu đều tăng ở mức 2 con số, cụ thể: cao su thiên nhiên tăng bình quân 20%, cao su tổng hợp tăng bình quân 28%, vải màn tăng bình quân 34%, màn thép và thép tanh tăng bình quân 20%, hóa chất tăng từ 20%-50% (có loại tăng trên 100%).

Nhận định được cơ hội, khi các doanh nghiệp cùng ngành bị đứt gãy sản xuất do thiếu hụt lao động, DRC vẫn quyết tâm và có giải pháp hợp lý để vừa duy trì sản xuất liên tục vừa làm tốt công tác phòng dịch bệnh để có một lượng sản phẩm tồn kho dự trữ đáng kể. Khi đại dịch được khống chế mọi hoạt động trở lại bình thường mới, nhu cầu sắm lốp tăng cao làm cho cung thị trường bị thiếu hụt. Tận dụng cơ hội đó, DRC đàm phán tăng được giá bán, tăng được sản lượng tiêu thụ, kết quả là doanh thu và lợi nhuận tăng, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao năm 2021, Ban điều hành Công ty đánh giá kết quả thực hiện như sau:



A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2021

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1/ Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | So sánh | |
|-----|-------------------------------|------|---------------|----------------|--------------|--------------|
| | | | | | Với kế hoạch | Với năm 2020 |
| 1 | Giá trị SXCN theo giá thực tế | Tỷ đ | 3.932 | 4.738 | 120% | 142% |
| 2 | Tổng doanh thu tiêu thụ | // | 4.055 | 4.635 | 114% | 121% |
| 3 | Doanh thu thuần | // | 3.852 | 4.379 | 114% | 120% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | // | 300 | 364 | 121% | 114% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | // | 240 | 291 | 121% | 114% |
| 6 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu* | Đ/CP | 2.020 | 2.448 | 121% | 126% |

2/ Chỉ tiêu sản lượng hiện vật tiêu thụ

| STT | Sản lượng sản phẩm tiêu thụ | ĐVT | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | So sánh | |
|-----|-----------------------------|----------|---------------|----------------|--------------|--------------|
| | | | | | Với kế hoạch | Với năm 2020 |
| 1 | Lốp xe đạp | 1.000 ch | 5.750 | 4.602 | 80% | 116% |
| 2 | Săm xe đạp | // | 5.500 | 4.030 | 73% | 86% |
| 3 | Lốp xe máy | // | 2.680 | 1.708 | 64% | 90% |
| 4 | Săm xe máy | // | 6.000 | 4.623 | 77% | 98% |
| 5 | Lốp ô tô , máy kéo | // | 1.260 | 1.327 | 105% | 116% |
| | + Lốp Bias | // | 600 | 715 | 119% | 113% |
| | + Lốp LTR | // | 60 | 3,5 | 6% | 132% |
| | + Lốp Radial | // | 600 | 608 | 101% | 120% |
| 6 | Săm ô tô | // | 600 | 588 | 98% | 102% |
| 7 | Yếm ô tô | // | 420 | 444 | 106% | 110% |
| 8 | Lốp ô tô đắp | // | 46 | 42,5 | 92% | 101% |
| 9 | Cao su kỹ thuật | Tỷ đồng | 8,0 | 7,8 | 97% | 119% |

II. CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN VÀ MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1/ Các giải pháp đã thực hiện

Trong bối cảnh hết sức khó khăn nhưng với sự quyết tâm cao của Ban điều hành và sự đoàn kết, đồng lòng của toàn thể người lao động, Công ty đã thực hiện thành công nhiệm vụ kép năm 2021 là “vừa phòng chống dịch hiệu quả, vừa thực hiện thành công nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao”. Thành công trên có được nhờ các quyết sách quan trọng sau:

- Chủ động xây dựng kịch bản phòng chống dịch Covid-19 đảm bảo không để đứt gãy trong sản xuất, tăng tích lũy tồn kho chờ cơ hội bán hàng để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Chủ động ký hợp đồng mua dự trữ vật tư cho từ đầu quý IV/2020 thời điểm giá NVL đang ở mức thấp. Vì vậy, giá NVL đưa vào sản xuất luôn thấp hơn so với giá thị trường tại thời điểm sử dụng.
- Chủ động tăng giá bán sản phẩm đối với hệ thống phân phối nội địa, tăng cường đàm phán để tăng giá bán xuất khẩu, tăng giá bán khách hàng tổ chức góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Linh hoạt trong việc đưa ra chính sách bán hàng để kích cầu trong những thời điểm tiêu thụ khó khăn.
- Tập trung nguồn lực đưa vào sản xuất thương mại đại trà lớp Radial trọng lượng nhẹ cho thị trường Mỹ, lớp radial Dstar cho phân khúc xe khách và xe tải đường dài.
- Đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu sử dụng, tăng độ phủ sản phẩm DRC trên thị trường.
- Tăng cường công tác quản lý tiền hàng, công nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, tận dụng mọi điều kiện để tìm kiếm nguồn vốn có lãi suất cạnh tranh để giảm chi phí lãi vay, triển khai nhiều giải pháp làm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

2/ Một số kết quả đạt được

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kép “vừa phòng chống dịch bệnh tốt, vừa sản xuất kinh doanh hiệu quả”. Cụ thể, bố trí sản xuất an toàn và hiệu quả, tổ chức tốt công tác xuất hàng và giao hàng an toàn, hiệu quả trong thời gian dịch bệnh.
- Chuẩn bị đầy đủ nguồn vật tư, nguyên vật liệu đầu vào để ổn định sản xuất và ổn định giá thành.

591.6
 TY
 AN
 SU
 AN
 TP.

- Phát triển thành công dòng sản phẩm mới lớp Radial thương hiệu DSTAR để thâm nhập phân khúc xe tải và xe khách đường dài.
- Thay thế mảnh thép HT bằng ST để nâng cao chất lượng sản phẩm và tiến kịp với công nghệ sản xuất tiên tiến của ngành lốp thế giới.
- Phát triển dòng lốp nông nghiệp SD với giá thành thấp hơn để đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần tăng sản lượng tiêu thụ và doanh thu bán hàng.
- Cải tiến chất lượng sản phẩm lớp OTR bias và phát triển mới dòng lốp OTR 14.00R25 để củng cố và tăng thị phần lớp dùng cho các loại xe đặc chủng.
- Phát triển các dòng sản phẩm mới như lớp ATV, Motocross, TBR và TBB giảm trọng lượng riêng cho thị trường Mỹ.
- Hoàn thiện công tác thiết kế, thí nghiệm và đưa vào sản xuất thương mại các sản phẩm mới như: lớp phục vụ riêng cho khai trường, lớp xe nâng công nghiệp cỡ lớn, lớp nông nghiệp cỡ lớn, Lớp LTR, dòng lốp Radial trọng lượng nhẹ (LS).
- Chỉ số tài chính tăng qua các năm:

| Chỉ số | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|------------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Hệ số sinh lời tài sản (ROA) | 0,0625 | 0,12 | 0,13 | 0,09 |
| Hệ số sinh lời vốn (ROE) | 0,09 | 0,15 | 0,15 | 0,16 |
| Hệ số bảo toàn vốn | 1,02 | 1,02 | 1,03 | 1,04 |

- Sản phẩm sản lốp Ôtô DRC, đặc biệt lớp Radial đã đạt các tiêu chuẩn chất lượng trong và ngoài nước như:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lốp hơi dành cho Ôtô: QCVN 34/BGTVT
- Tiêu chuẩn an toàn của Bộ giao thông vận tải Hoa kỳ: DOT
- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu: EMARK
- Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia: SNI
- Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản: JIS
- Tiêu chuẩn công nghiệp Brazil: INMETRO
- Tiêu chuẩn quốc gia Ấn độ: BIS
- Tiêu chuẩn quốc gia Arab: GSO
- Tổng hợp các quy định về hạn chế sử dụng hóa chất theo luật REACH của EU.

III. NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- 1/ Là doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia giai đoạn 2018-2021;
- 2/ 25 năm liên tiếp đạt được danh hiệu “HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO” do Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao TP HCM bình chọn.
- 3/ 11 năm liền (2011-2022) được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tặng danh hiệu: “TOP những đơn vị có doanh thu và lợi nhuận cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam”;
- 4/ TOP 10 Thương hiệu uy tín ngành Hóa chất Việt Nam do Tạp chí Bộ Công thương bình chọn;
- 5/ Cờ thi đua xuất sắc toàn diện của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.
- 6/ Cờ thi đua xuất sắc toàn diện của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước.
- 7/ Thương hiệu quốc gia năm 2020-2022.
- 8/ Thương hiệu xuất khẩu uy tín của Việt Nam.

Qua những con số và đánh giá ở trên, năm 2021 Công ty đã đạt được những thành quả rất tích cực và đáng khích lệ. Tuy nhiên, Ban điều hành cùng người lao động Công ty luôn nhận thức phải cố gắng hơn nữa để không ngừng nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và gia tăng lợi ích của các cổ đông.

B. PHƯƠNG HƯỚNG - NHIỆM VỤ NĂM 2022

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn như: tình trạng thiếu hụt lao động tại một số khâu trong sản xuất do số người bị nhiễm Covid-19 (Fo) liên tục tăng; Giá thuê Container rỗng tăng cao và khan hiếm làm cho hoạt động xuất-nhập khẩu gặp nhiều khó khăn; Chi phí vận chuyển tăng cao làm cho giá mua hầu hết nguyên vật liệu đều tăng cao; Đặc biệt, chiến sự Nga – Ukraina làm cho giá dầu tăng cao đẩy giá nguyên vật liệu và hàng hóa tăng phi mã, thanh toán quốc tế bị ảnh hưởng do Mỹ và phương Tây cấm vận Nga, hoạt động xuất-nhập khẩu của DRC vào 2 thị trường Nga và Ukraina bị gián đoạn.

Mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng với quyết tâm cao, Ban điều hành Công ty đã đề ra nhiệm vụ kế hoạch và những giải pháp cho năm 2022, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

1/ Hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra.

2/ Tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật để không ngừng ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đặc biệt là công tác quản trị sản xuất, giảm thiểu tối đa tỉ lệ hao hụt và phẩm cấp trong toàn bộ các khâu. Xác định mục tiêu chất lượng là yếu tố hàng đầu quyết định sự phát triển của thương hiệu DRC.

3/ Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị công ty, quản trị chi phí, quản trị hiệu quả nguồn nhân lực cũng như máy móc thiết bị để đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất. Từng bước cơ cấu lại tổ chức bộ máy để đảm bảo hợp lý trong vận hành thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản trị.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022

1/ Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2021 | Kế hoạch 2022 | So sánh |
|-----|-------------------------------|------|----------------|---------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 | Giá trị SXCN theo giá thực tế | Tỷ đ | 4.738 | 4.511 | 95% |
| 2 | Tổng doanh thu tiêu thụ | // | 4.635 | 4.608 | 99% |
| 3 | Doanh thu thuần | // | 4.379 | 4.428 | 101% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | // | 364 | 320 | 88% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | // | 291 | 256 | 88% |
| 6 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu* | Đ/CP | 2.448 | 2.155 | 88% |

2/ Chỉ tiêu sản lượng hiện vật tiêu thụ

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2021 | Kế hoạch 2022 | So sánh |
|-----|--------------------|----------|----------------|---------------|---------|
| 1 | Lốp xe đạp | 1.000 ch | 4.602 | 4.720 | 103% |
| 2 | Săm xe đạp | // | 4.030 | 4.700 | 117% |
| 3 | Lốp xe máy | // | 1.708 | 1.990 | 117% |
| 4 | Săm xe máy | // | 4.623 | 4.800 | 104% |
| 5 | Lốp ô tô , máy kéo | // | 1.326,5 | 1.258 | 95% |
| | + Lốp Bias | // | 715 | 650 | 91% |
| | + Lốp LTR | // | 3,5 | 8 | 229% |
| | + Lốp Radial | // | 608 | 600 | 99% |
| 6 | Săm ô tô | // | 588 | 610 | 104% |
| 7 | Yếm ô tô | // | 444 | 440 | 99% |
| 8 | Lốp ô tô đắp | // | 42,5 | 45 | 106% |
| 9 | Cao su kỹ thuật | Tỷ đồng | 7,8 | 8,0 | 103% |

III. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện thành công nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, Ban điều hành chủ động thực hiện các giải pháp sau:

1/ Tiếp tục rà soát để hoàn thiện các quy định, quy chế để nâng cao hiệu quả quản trị của Công ty, đảm bảo phù hợp với chính sách và pháp luật của Nhà nước.

2/ Tăng cường hợp tác với các chuyên gia đầu ngành về công nghệ ô tô trên thế giới để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm DRC.

3/ Tăng cường cơ khí hóa và tự động hóa trong sản xuất để giảm lao động thủ công trong các khâu sản xuất.

4/ Thực hiện số hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trước tiên là hoàn thiện số hóa khâu tiêu thụ sản phẩm.

5/ Khuyến khích người lao động có nhiều giải pháp trong quản lý và sản xuất để nâng cao hiệu quả quản lý, tăng năng suất lao động, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm.

6/ Hoàn thành thiết lập và áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng (Quality control/ QC) dựa trên kỹ thuật kiểm soát quá trình bằng thống kê để kiểm soát quá trình sản xuất, đánh giá, hiển thị kết quả thực hiện Kế hoạch chất lượng tại bản tin của đơn vị.

7/ Phối hợp công tác đầu tư để ưu tiên bổ sung khuôn mẫu và các thiết bị cần thiết như máy thành hình, máy lưu hóa,... để tăng sản lượng lớp radial năm 2022.

8/ Tăng cường thử nghiệm bổ sung nguồn nguyên liệu mới để mở rộng nguồn cung, tạo sự cạnh tranh hơn nữa nhằm mua được nguyên vật liệu có giá hợp lý hơn.

9/ Tính toán, cân đối hợp lý các nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định, chính sách của Nhà nước ở Công ty và các đơn vị.

10/ Xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng và kết hợp bảo hành sản phẩm tại hiện trường. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng theo hướng chuyên nghiệp, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng để tạo ra lợi thế cạnh tranh của nhãn hiệu DRC so với các sản phẩm cùng loại trong và ngoài nước.

11/ Tăng cường công tác tiếp cận thị trường để tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt chú trọng các sản phẩm là thế mạnh của DRC trên thị trường nội địa để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như: lớp AG SD, lớp OTR, lớp công trường, lớp radial, lớp xe máy không săm DPLUS.

12/ Tăng cường công tác phát triển sản phẩm mới để đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường, phủ kín các phân khúc tại thị trường nội địa cũng như gia tăng cơ hội bán hàng trên thị trường xuất khẩu.

Bằng những giải pháp cụ thể và thiết thực nêu trên, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị cùng với quyết tâm, trách nhiệm của Ban điều hành và sự đồng thuận của người lao động, cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng sẽ tiếp tục phát huy truyền thống **“Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, phát triển bền vững”** phấn đấu thực hiện hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC 





Lê Hoàng Khánh Nhựt

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021:

| Stt | Nội dung | Số tiền (đồng) |
|-----|--|--------------------------|
| 1 | Số dư lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 chuyển sang | 10.044.947.802 |
| 2 | Lợi nhuận phát sinh năm 2021 | 364.122.142.045 |
| | Thuế TNDN | 73.293.845.559 |
| | Lợi nhuận sau thuế | 290.828.296.486 |
| 3 | Phân phối lợi nhuận năm 2021 | |
| | - Quỹ đầu tư phát triển | 58.165.659.297 |
| | - Quỹ khen thưởng | 14.541.414.825 |
| | - Quỹ phúc lợi | 14.541.414.824 |
| | - Quỹ thưởng người quản lý công ty | 388.300.000 |
| | Cộng | 87.636.788.946 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | |
| | - Năm 2020 | 10.044.947.802 |
| | - Năm 2021 | 203.191.507.540 |
| | Cộng | 213.236.455.342 |
| 5 | Vốn điều lệ | 1.187.926.050.000 |
| | Số cổ phần | 118.792.605 |
| 6 | Dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau: | |
| | Chia cổ tức bằng tiền 17% | 201.947.428.500 |
| | - Đã tạm ứng cổ tức bằng tiền 5% | 59.396.302.500 |
| | - Số cổ tức còn phải chia bằng tiền 12% | 142.551.126.000 |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển năm sau | 11.289.026.842 |



2. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền 12% còn lại theo quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Trân trọng./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Bắc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc tạm ứng cổ tức năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số
03/2022/QH13 ngày 11/01/2022;*

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2022 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức như sau:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2022 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Bắc

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Đánh giá kết quả hoạt động Công ty năm 2021

Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới. Trong nước, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế- xã hội. Số người bị lây nhiễm tiếp tục tăng, nhiều nước cân nhắc giải pháp phong tỏa để chống dịch. Hoạt động giao thương hàng hóa nội địa và quốc tế bị cản trở. Giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao v.v. Trong bối cảnh đó, với sự lãnh đạo thống nhất của cả hệ thống; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban điều hành; sự đồng lòng, quyết tâm và đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng, Công ty đã thực hiện thành công mục tiêu kép “vừa chống dịch hiệu quả, vừa thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh”, kết quả đạt được cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | So sánh | |
|-----|-------------------------------|---------|---------------|----------------|--------------|--------------|
| | | | | | Với kế hoạch | Với năm 2020 |
| 1 | Giá trị SXCN theo giá thực tế | Tỷ đồng | 3.932 | 4.738 | 120% | 142% |
| 2 | Tổng doanh thu tiêu thụ | // | 4.055 | 4.635 | 114% | 121% |
| 3 | Doanh thu thuần | // | 3.852 | 4.379 | 114% | 120% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | // | 300 | 364 | 121% | 114% |

- Công ty được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam khen thưởng là một trong 05 đơn vị thành viên có doanh thu và lợi nhuận cao nhất Tập đoàn năm 2021;

- Được Hội đồng thương hiệu quốc gia công nhận doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia nhiều năm liền;

- Cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước, của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam

....

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

2.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng năm 2021 gồm 07 thành viên, cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Xuân Bắc - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Văn Hiệu - Thành viên HĐQT
3. Ông Lê Hoàng Khánh Nhựt - Thành viên HĐQT
4. Ông Hà Phước Lộc - Thành viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Huy Hiếu - Thành viên HĐQT
6. Ông Trần Đình Quyền - Thành viên HĐQT
7. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và pháp luật liên quan.

2.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

Trong năm 2021, trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid 19, hiểu rõ được những khó khăn thách thức của Công ty, Hội đồng quản trị đã tích cực phối

hợp với Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề trọng tâm của Công ty; Trong đó tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác phòng chống dịch; giám sát chặt chẽ công tác quản lý vốn và quản trị hệ thống tại đơn vị.

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng trong việc giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty, định hướng và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh Công ty năm 2021.

Với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực vì lợi ích cổ đông và Công ty, HĐQT đã triển khai các giải pháp trong công tác quản trị điều hành; chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT, kết quả năm 2021 Công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 giao.

2.3. Các cuộc họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 28/4/2021; tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản nhằm giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động Công ty. Việc tổ chức các phiên họp của Hội đồng quản trị đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết Hội đồng quản trị đã tập trung vào định hướng và chỉ đạo Ban điều hành trên các lĩnh vực: sản xuất kinh doanh, công tác tài chính, công tác đầu tư xây dựng, quản trị nội bộ và công tác nhân sự ...nhằm đưa ra những giải pháp, chiến lược hoàn thành được mục tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 giao.

2.4. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc trong năm 2021 thông qua các hoạt động nổi bật như sau:

- Giám sát, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty vào ngày 28/4/2021.

- Định hướng, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu SXKD Công ty hàng tháng, quý theo tinh thần Nghị quyết của HĐQT thông qua.

- Xem xét thông qua các Báo cáo tài chính Công ty (chưa kiểm toán).

- Chỉ đạo việc chi trả cổ tức phân còn lại năm 2020 theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

- Rà soát, phê duyệt danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu Công ty.

- Phê duyệt kế hoạch Đầu tư thiết bị lẻ năm 2021.

- Phê duyệt chủ trương đầu tư và thực hiện một số gói thầu để lập dự án: “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm”.

- Rà soát, phê duyệt danh sách nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty giai đoạn 2021-2026.

- Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; bổ nhiệm mới 01 Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Xem xét cho ý kiến để Tổng giám đốc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cấp Trưởng các đơn vị Công ty.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện rà soát, sửa đổi các quy chế quản trị nội bộ Công ty theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng thời hạn, yêu cầu thực hiện công khai, minh bạch đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc.

Đánh giá chung:

- Việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT: Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong triển

khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2021 với tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Ban điều hành đã có nhiều biện pháp chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty với mục tiêu kép “vừa sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo phòng chống dịch” đã đạt được kết quả rất cao, các chỉ tiêu SXKD chính đều vượt kế hoạch đặt ra. Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá rất cao sự nỗ lực quyết tâm của Ban điều hành trong việc góp phần giữ vững sự ổn định, củng cố niềm tin của Người lao động, của khách hàng, của cổ đông, của các nhà đầu tư vào sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự lãnh đạo của Ban điều hành, nâng cao uy tín của DRC trên thị trường và các đối tác quốc tế.

2.5. Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đầy đủ chức trách nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan. Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; biểu quyết, tham gia đóng góp ý kiến rõ ràng, kiên định để bảo vệ quyền lợi cho cổ đông và Công ty.

Đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Hội đồng quản trị Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo sát sao kịp thời đến các hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ đúng quy định, quy trình các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ hoặc tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền; thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2021

Hội đồng quản trị hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, không hưởng lương chỉ hưởng thù lao. Trong năm, mức thù lao của Hội đồng quản trị không thay đổi, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 7.500.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 6.500.000 đồng/người/tháng

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Năm 2022 được đánh giá là năm có nhiều thay đổi khi tỷ lệ người dân được tiêm phòng Vacxin Covid -19 trên cả nước cao, chính sách mở cửa nền kinh tế cũng như kích thích đầu tư của chính phủ sẽ tạo cơ hội phát triển cho doanh nghiệp. Tuy nhiên ngay những tháng đầu năm 2022, với số ca mắc bệnh ngày càng tăng cao, số lượng lao động F0, F1 phải cách ly điều trị tăng cao sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và của Công ty nói riêng.

Từ cuối năm 2021 đến nay, chi phí vận chuyển leo thang, hầu hết giá cả nguyên vật liệu như cao su thiên nhiên, than đen, hóa chất ...đồng loạt tăng giá thậm chí có những nguyên liệu tăng đến trên 50%.

Ngoài ra, ảnh hưởng của chiến tranh giữa Nga và Ukraine có nguy cơ gây bất ổn lớn cho thế giới, giá dầu thô tăng, ảnh hưởng nền kinh tế toàn cầu và thị trường Việt Nam, DRC cũng không ngoại lệ.

Nhận thức được những thách thức lớn trong năm 2022, Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị Công ty, quản trị chi phí, quản trị hiệu quả nguồn nhân lực cũng như máy móc thiết bị để đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Đảm bảo việc làm, đời sống và ổn định thu nhập của người lao động.

2. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2022

041
CÓ
CÁ
À
TÊN

| ST T | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2021 | Kế hoạch 2022 | So sánh |
|---------|-------------------------------|---------|-------------------|------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 | Giá trị SXCN theo giá thực tế | Tỷ đồng | 4.738 | 4.511 | 95% |
| 2 | Tổng doanh thu tiêu thụ | Tỷ đồng | 4.635 | 4.608 | 99% |
| 3 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 4.379 | 4.428 | 101% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 364 | 320 | 88% |

3. Định hướng kế hoạch năm 2022

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm tăng cường công tác quản trị điều hành, quản lý tiết kiệm chi phí, nâng cao tính chủ động, phát huy nội lực tìm các giải pháp tốt nhất để đạt kết quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

- Định hướng, chỉ đạo Ban điều hành:

a/ Về công tác sản xuất kinh doanh

+ Triển khai các giải pháp kinh doanh hiệu quả, phù hợp với diễn biến thị trường và các kịch bản phòng chống dịch Covid-19 nhằm hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông giao.

+ Tập trung nguồn lực, tăng sản lượng tiêu thụ thị trường trong nước. Tận dụng cơ chế của thị trường, xây dựng phương án lâu dài, bền vững để đẩy mạnh công tác xuất khẩu, đặc biệt là lớp Radial vào thị trường Mỹ...

+ Có kế hoạch, chủ động, linh hoạt trong công tác mua sắm vật tư nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất.

+ Xây dựng chính sách bán hàng hợp lý, linh hoạt. Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, quảng bá thương hiệu.

b/ Về công tác đầu tư:

+ Đối với Dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1.000.000 lốp/năm” : Tập trung triển khai dự án theo kế hoạch đã được duyệt đảm bảo tiến độ, chất lượng và theo dự toán kinh phí đã được duyệt nhằm hoàn thành đầu tư đưa dự án vào sử dụng và phát huy hiệu quả đầu tư.

c/ Về công tác tài chính:

01:
G 7
H 1
S
A
TP

Tiếp tục quản lý hiệu quả công tác tài chính. Cơ cấu lại nguồn vốn vay để tối ưu hóa chi phí tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, đặc biệt đối với nguồn vốn vay cho dự án: “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1.000.000 lốp/năm”

d/ Về công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm

+ Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, kết hợp giữa tư duy đổi mới và sáng tạo với các giải pháp cải tiến sáng kiến kỹ thuật, thiết kế, đơn pha chế để đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

+ Tăng cường hợp tác liên kết với các đối tác nước ngoài để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm DRC.

+ Không ngừng đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu sử dụng sản phẩm DRC trên thị trường

e/ Về công tác nhân sự

Rà soát, tổ chức bộ máy nhân sự hợp lý tại tất cả các phòng ban, xí nghiệp trong Công ty phù hợp với tình hình mới nhằm đảm bảo ổn định trong sản xuất. Rà soát bổ sung nhân sự cho dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1.000.000 lốp/năm”.

f/ Công tác quản trị nội bộ và công tác khác

+ Tăng cường công tác quản trị trên các lĩnh vực, tập trung tiết kiệm, giảm chi phí để giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

+ Tiếp tục tập trung ổn định sản xuất, cải thiện điều kiện môi trường làm việc, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm; đảm bảo thu nhập cho người lao động, tạo sự gắn bó lâu dài của người lao động đối với Công ty.

+ Triển khai việc thực hiện số hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh công ty một cách khoa học, hiệu quả.

+ Tiếp tục rà soát sửa đổi ban hành các quy chế quản trị nội bộ Công ty phù hợp với tình hình hoạt động Công ty và quy định pháp luật liên quan.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo các Quy chế, Quy định, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thực thi theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 và kế hoạch định hướng năm 2022.

Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn toàn thể quý vị cổ đông, nhà đầu tư, Ban điều hành cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty đã tin tưởng, đồng hành cùng Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm qua. Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nỗ lực hết mình thực hiện tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc mục tiêu chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2022, đưa DRC lên tầm cao mới, vị thế mới vì lợi ích của các cổ đông, nhà đầu tư và thương hiệu DRC trên thị trường trong nước và quốc tế.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Bắc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐÀ NẴNG**

BAN KIỂM SOÁT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG**

Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021, Ban kiểm soát xin báo cáo về tình hình hoạt động năm 2021 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021

Ban kiểm soát chú trọng đến những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu như sau:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), giám sát hoạt động, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2021.

- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng (Công ty), trực tiếp làm việc với Ban điều hành Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban giám đốc trong năm 2021. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của pháp luật.

- Xem xét các báo cáo tài chính hàng quý và 9 tháng. Soát xét và thẩm định các báo cáo tài chính bán niên và cả năm của Công ty, phối hợp với Cty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính năm 2021 nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính năm 2021. Giám sát việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán đưa ra.

- Kiểm soát quá trình xây dựng, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, việc thực hiện các quy chế của Công ty.

- Kiểm soát việc xây dựng phương án và phân phối lợi nhuận năm 2021.



Cụ thể như sau:

1. Thẩm định báo cáo tài chính và công tác tài chính kế toán năm 2021

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính được thực hiện đúng quy định.

- Công ty thực hiện việc đối chiếu các khoản công nợ phải thu phải trả đầy đủ.

- Công ty đã lập và gửi Báo cáo tài chính định kỳ quý, năm theo quy định.

- Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng được phát hành tại báo cáo kiểm toán số 149/2022/BCKT-AAC ban hành ngày 01/3/2022 bởi Cty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, Ban kiểm soát đã xem xét thẩm định, qua đó thấy rằng Báo cáo tài chính năm 2021 đã phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021. Báo cáo tài chính năm 2021 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

Ban kiểm soát đã có ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty trong báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Ban kiểm soát ban hành ngày 03/3/2022.

2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Theo kế hoạch đầu tư xây dựng, trong năm 2021 Công ty thực hiện đầu tư mua sắm một số thiết bị lẻ để phục vụ sản xuất thường xuyên. Giá trị ký kết, giá trị giải ngân thực hiện trong phạm vi giá trị dự toán được HĐQT phê duyệt và theo đúng các điều khoản quy định của hợp đồng. Song song với đó, Công ty còn triển khai các bước từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư sang giai đoạn đầu tư của dự án “Đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm” theo đúng trình tự và quy định.

- Công ty thực hiện theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế về đầu tư xây dựng.

3. Kiểm soát các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021

- Nghị quyết HĐQT trong năm 2021 tập trung chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và ban hành các quy chế của Công ty.

Ban kiểm soát được mời tham dự những cuộc họp của HĐQT, qua đó nhận thấy:

04/04/2022
CC
CC
C
Đ
VCH

- Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp: Các nghị quyết, quyết định và văn bản của HĐQT phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, thực hiện theo mục tiêu, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra.

- Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, chi trả cổ tức năm 2020, tạm ứng cổ tức năm 2021, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 theo đúng phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2021 như báo cáo của HĐQT.

4. Kiểm soát các nội dung hoạt động của Ban điều hành

Qua quá trình giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty, Ban kiểm soát nhận thấy Ban điều hành đã nỗ lực rất lớn trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra để đạt được lợi nhuận trước thuế 364,1 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2020 và tăng 21% so với kế hoạch. Ban điều hành đã rất linh hoạt trong việc ứng phó theo tình hình thực tế khi dịch COVID-19 bùng phát mạnh mẽ để đưa ra những giải pháp tích cực và phù hợp đảm bảo tốt nhất lợi ích cho Công ty và cổ đông.

Các nội dung khác như rà soát các chi phí đầu vào, các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hóa, công tác bán hàng, Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Qua xem xét, kiểm tra Ban kiểm soát thấy phù hợp, chưa phát hiện sai phạm.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với HĐQT, Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch tài chính và sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, cụ thể như:

+ Kiểm soát quá trình chuẩn bị, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty được tổ chức vào ngày 28/4/2021. Kiểm soát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

+ Kiểm soát việc thực hiện công bố thông tin kịp thời, đúng hạn và đầy đủ các nội dung: báo cáo tài chính năm 2021, báo cáo tài chính quý 1, 6 tháng đầu năm, 9 tháng năm 2021 của Công ty; các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

+ Kiểm soát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2020, tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận năm 2021 cho cổ đông hiện hữu.

+ Kiểm soát, xem xét nội dung, tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc trong năm 2021.

+ Kiểm tra các hồ sơ, chứng từ kế toán, thủ tục thanh quyết toán của Công ty.

+ Rà soát và kiểm tra thực hiện các quy chế và quy định Công ty ban hành để phục vụ công tác điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Kiểm soát quá trình thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

6. Ý kiến của các cổ đông

Trong năm Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về hoạt động của Công ty năm 2021.

II. Ban kiểm soát nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

Trong năm 2021 Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các văn bản, tài liệu, thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Trong quá trình kiểm soát, Ban kiểm soát chưa phát hiện được sai phạm nào của HĐQT, Ban điều hành làm phương hại đến quyền lợi của Công ty và của các cổ đông.

2. Kiến nghị

- Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm túc các kiến nghị, ý kiến của của Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra kiểm soát báo cáo tài chính, kiểm tra chuyên đề.

- Tiếp tục rà soát, cập nhật, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản lý điều hành để bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật.

III. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục bám sát các chỉ tiêu trong Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua để có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện theo quy định.

- Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022.

- Tổ chức xem xét, kiểm tra các báo cáo tài chính, sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2022 của Công ty.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGD để nắm bắt và đánh giá chính xác hoạt động SXKD của Công ty.

- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.

- Thực hiện các công tác khác theo quy định.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Chu Quang Tuấn





**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐÀ NẴNG**

BAN KIỂM SOÁT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng thông qua ngày 28/4/2021, Ban kiểm soát lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

1. Nguyên tắc lựa chọn:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính.

2. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán:

Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Địa chỉ trụ sở chính: 78-80 đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 và thực hiện các yêu cầu khác của Ban kiểm soát.

Mức phí kiểm toán do Công ty thương thảo.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Chu Quang Tuấn

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty năm 2021 và đề xuất mức thù lao năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

1. Mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty năm 2021: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, mức thù lao chi trả là:

- Chủ tịch HĐQT : 7.500.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 6.500.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty : 5.500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng ban Kiểm soát làm việc không chuyên trách: 6.500.000 đồng/tháng

2. Đề xuất mức thù lao năm 2022: Không thay đổi, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 7.500.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 6.500.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty : 5.500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng ban Kiểm soát làm việc không chuyên trách : 6.500.000 đồng/tháng

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua.

Trân trọng ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Bắc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐẦU TƯ DỰ ÁN “ĐẦU TƯ
MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT Lốp XE TẢI RADIAL
NÂNG CÔNG SUẤT LÊN 1 TRIỆU LỐP/NĂM**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng, trong đó thống nhất chủ trương đầu tư dự án và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định về đầu tư dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm”, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng báo cáo công tác triển khai thực hiện dự án như sau:

1. Tình hình triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án

- Dự án đã hoàn thiện các công tác chuẩn bị đầu tư như: Lập, thẩm tra, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi; Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Xin ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy; Văn bản cam kết cung ứng tín dụng của các ngân hàng đối với nguồn vốn vay của Dự án; Văn bản chấp thuận chủ trương triển khai thực hiện Dự án của Tập đoàn hóa chất Việt Nam, cụ thể như sau:

+ Đơn vị lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở dự án: Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất;

+ Đơn vị khảo sát xây dựng: Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng Đà Nẵng;

+ Đơn vị thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở dự án: Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế & xây dựng Nhân Việt;

+ Đơn vị lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Đà Nẵng;

+ Ý kiến góp ý về giải pháp phòng cháy chữa cháy của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an thành phố Đà Nẵng đối với thiết kế cơ sở của Dự án tại Văn bản số 339/PCCC-TD ngày 29 tháng 7 năm 2021;

+ Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng thẩm định tại Thông báo kết quả thẩm định số 3120/BQL-QLQH XD ngày 25 tháng 10 năm 2021;

+ Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án của người quyết định đầu tư: Tổ chuyên gia tư vấn Công ty CP Cao su Đà Nẵng thẩm định tại Thông báo kết quả thẩm định số 01/TVTĐ-DRC ngày 18 tháng 11 năm 2021;

+ Cơ quan phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng tại Quyết định số 285/QĐ-BQL ngày 18 tháng 11 năm 2021;

+ Thư xác nhận cung ứng tín dụng của các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng chi nhánh Hải Vân, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng và Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng;

+ Văn bản chấp thuận chủ trương triển khai thực hiện dự án của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam số 26/HCVN-ĐTXD ngày 13 tháng 01 năm 2022.

- Sau khi hoàn tất các công tác chuẩn bị đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-DRC-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2022, cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm.

2. Người quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

4. Mục tiêu, quy mô công suất:

- Mục tiêu: Mở rộng sản xuất, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty;
- Quy mô công suất: Công suất sau khi mở rộng đạt 1.000.000 lớp/năm.

5. Đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở; đơn vị tư vấn khảo sát xây dựng:

- Báo cáo Nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở dự án do Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất lập;

- Đơn vị khảo sát xây dựng: Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng Đà Nẵng.

6. Địa điểm xây dựng, diện tích đất xây dựng:

- Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Công ty tại Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;

- Diện tích đất sử dụng: 109.632 m².

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình hóa nhóm B;
- Loại, cấp công trình chính: Công trình hóa chất cấp II;
- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: Thiết kế theo hai bước gồm thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công;

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo các tiêu chuẩn và quy chuẩn của Việt Nam đang hiện hành.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

- Tổng mức đầu tư: 916.082.586.762 đồng.

Trong đó:

- + Chi phí thiết bị : 570.825.879.020 đồng;
- + Chi phí xây dựng : 107.083.280.808 đồng;
- + Chi phí quản lý dự án : 5.735.597.437 đồng;
- + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 15.287.372.169 đồng;
- + Chi phí khác : 111.721.997.359 đồng;

+ Chi phí dự phòng : 105.428.459.968 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Từ quý I năm 2022 đến quý II năm 2024.

11. Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án:

- Vốn vay: 597.775.173.662 đồng;

- Vốn tự có: 318.307.413.100 đồng.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

- Hạng mục xây mới gồm:

+ Xây dựng nhà hỗn luyện mới bên cạnh nhà hỗn luyện Bias. Nhà kết cấu thép có quy mô 90x32m, 3 tầng sàn deck ở các cao độ +8,100; +15,300; +21,900. Bao che xung quanh nhà hỗn luyện sử dụng tường tôn màu, mái lợp tôn cliplock màu xanh đồng bộ với nhà hỗn luyện hiện có.

+ Trạm làm mát nước tuần hoàn: Quy mô 8x16m, nền bê tông có đê chắn xây gạch cao 200 mm bao xung quanh, bên trong bố trí 2 móng máy bơm và 2 móng máy làm mát.

- Hạng mục cải tạo:

+ Nhà sản xuất lớp ô tô Radial: Bổ sung các móng máy thành hình, máy lưu hóa máy nén khí, móng bồn chứa khí nén.

+ Nhà sản xuất lớp ô tô Bias: Bổ sung các móng máy thiết bị lưu hóa.

14. Thiết bị công nghệ:

- Máy luyện kín 370 lít: Mua từ các hãng nổi tiếng trên thế giới từ Châu Âu hoặc Nhật Bản hoặc Mỹ;

- Hệ thống máy luyện hờ, máy thành hình, máy lưu hóa và các thiết bị công nghệ khác mua của Châu Âu hoặc Châu Á;

- Thiết bị phụ trợ mua của Châu Âu, Châu Á, hoặc trong nước;

- Thiết bị đo kiểm, thí nghiệm mua của Châu Âu, Mỹ, hoặc Châu Á;

- Một số thiết bị phi tiêu chuẩn mua trong nước.

II. Kế hoạch triển khai công tác đầu tư dự án năm 2022

Trong năm 2022, Công ty sẽ tiếp tục triển khai các công việc đầu tư dự án như sau:

- Thành lập Bộ phận chuyên môn để quản lý dự án;
- Lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án.
- Tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu: Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; thiết kế thi công và lập dự toán xây dựng; giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình; bảo hiểm công trình, xây dựng nhà xưởng; cung cấp hệ thống luyện kín 270 lít và 370 lít; cung cấp thiết bị thành hình; cung cấp máy lưu hóa.

- Dự kiến Dự án sẽ khởi công xây dựng nhà xưởng vào quý I năm 2023; tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu lắp đặt và cung cấp thiết bị phụ trợ từ quý I năm 2023 đến hết quý III năm 2023; triển khai lắp đặt, nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng từ quý IV năm 2023 đến hết giữa quý II năm 2024; hoàn công, kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành vào cuối quý II năm 2024.

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm”, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng báo cáo Đại hội đồng cổ đông được biết.

Trân trọng./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Bắc

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Hiện nay, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng được xây dựng, thực hiện theo quy định của Luật số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (Luật Doanh nghiệp 2020), Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Thông tư số 116/2020/TT-BTC) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua vào ngày 28/4/2021.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, Quốc hội khóa XV đã ban hành Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự (Luật số 03/2022/QH15), có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022. Tại Luật số 03/2022/QH15 có một số nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần.

Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng đã rà soát và nhận thấy các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cần được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

| STT | Nội dung quy định tại Điều lệ hiện tại | Nội dung quy định tại Điều lệ sửa đổi bổ sung | Cơ sở căn cứ | Ghi chú |
|-----|--|---|--------------|---------|
|-----|--|---|--------------|---------|

| | | | | |
|----|--|--|--|--|
| 01 | <p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> | <p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.”</p> | Theo khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 | |
| 02 | <p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>“1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Đại hội</p> | <p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>“1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Đại hội đồng</p> | | |

| | | | |
|--|---|--|--|
| đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này” | cổ đông thường niên năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này” | | |
|--|---|--|--|

2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

| STT | Nội dung quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện tại | Nội dung quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi bổ sung | Cơ sở căn cứ | Ghi chú |
|-----|--|--|--|---------|
| 01 | <p>Điều 16. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>e) Gia hạn hoạt động Công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán</p> | <p>Điều 16. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>e) Gia hạn hoạt động Công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu</p> | Theo khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 | |

101
 NC
 PI
 AO
 N
 EU

| | | | | |
|----|---|---|--|--|
| | thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp | quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.” | | |
| 02 | <p>Điều 65. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực</p> | <p>Điều 65. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>“ Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.”</p> | Theo khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 | |
| 03 | <p>Điều 99. Ngày hiệu lực</p> <p>“1. Quy chế này gồm 08 Chương, 99 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> | <p>Điều 99. Ngày hiệu lực</p> <p>“1. Quy chế này gồm 08 Chương, 99 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này”</p> | | |

3. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

| STT | Nội dung quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty hiện tại | Nội dung quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sửa đổi bổ sung | Cơ sở căn cứ | Ghi chú |
|-----|---|--|--|---------|
| 01 | <p>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> | <p>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>“ 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.”</p> | Theo khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 | |
| 02 | <p>Điều 26. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng bao gồm 07 Chương, 26 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2021</p> | <p>Điều 26. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng bao gồm 07 Chương, 26 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022. Thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị số:16/QC-DRC-HĐQT ngày 28 tháng 4 năm 2021</p> | | |

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Trân trọng./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Bắc





**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐÀ NẴNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-ĐHĐCĐ
DỰ THẢO

Đà Nẵng, ngày tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật số 03/2022/QH13 ngày 11/01/2022;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng ngày 27/4/2022.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 với các nội dung chính sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | So sánh | |
|-----|-------------------------------|---------|---------------|----------------|--------------|--------------|
| | | | | | Với kế hoạch | Với năm 2020 |
| 1 | Giá trị SXCN theo giá thực tế | Tỷ đồng | 3.932 | 4.738 | 120% | 142% |
| 2 | Tổng doanh thu tiêu thụ | Tỷ đồng | 4.055 | 4.635 | 114% | 121% |
| 3 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 3.852 | 4.379 | 114% | 120% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 300 | 364 | 121% | 114% |

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2022 | So với thực hiện năm 2021 |
|-----|-------------------------------|---------|---------------|---------------------------|
| 1 | Giá trị SXCN theo giá thực tế | Tỷ đồng | 4.511 | 95% |
| 2 | Tổng doanh thu tiêu thụ | Tỷ đồng | 4.608 | 99% |
| 3 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 4.428 | 101% |

| | | | | |
|---|----------------------|---------|-----|-----|
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 320 | 94% |
|---|----------------------|---------|-----|-----|

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 với các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

| Stt | Nội dung | Số tiền (đồng) |
|-----|--|--------------------------|
| 1 | Số dư lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 chuyển sang | 10.044.947.802 |
| 2 | Lợi nhuận phát sinh năm 2021 | 364.122.142.045 |
| | Thuế TNDN | 73.293.845.559 |
| | Lợi nhuận sau thuế | 290.828.296.486 |
| 3 | Phân phối lợi nhuận năm 2021 | |
| | - Quỹ đầu tư phát triển | 58.165.659.297 |
| | - Quỹ khen thưởng | 14.541.414.825 |
| | - Quỹ phúc lợi | 14.541.414.824 |
| | - Quỹ thưởng người quản lý công ty | 388.300.000 |
| | Cộng | 87.636.788.946 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | |
| | - Năm 2020 | 10.044.947.802 |
| | - Năm 2021 | 203.191.507.540 |
| | Cộng | 213.236.455.342 |
| 5 | Vốn điều lệ | 1.187.926.050.000 |
| | Số cổ phần | 118.792.605 |
| 6 | Dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau: | |
| | Chia cổ tức bằng tiền 17% | 201.947.428.500 |
| | - Đã tạm ứng cổ tức bằng tiền 5% | 59.396.302.500 |
| | - Số cổ tức còn phải chia bằng tiền 12% | 142.551.126.000 |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển năm sau | 11.289.026.842 |

2. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền 2% còn lại theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 4. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2022

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2022 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty.

Điều 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng kế hoạch năm 2022.

Điều 6. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

Điều 7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Đại hội nhất trí thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Địa chỉ trụ sở chính: 78-80 Đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 và thực hiện các yêu cầu khác của Ban kiểm soát.

Mức phí kiểm toán do Công ty thương thảo.

Điều 8. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 7.500.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 6.500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty : 5.500.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách: 6.500.000 đồng/tháng

Điều 9. Thông qua báo cáo công tác triển khai thực hiện đầu tư dự án: Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm.

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo công tác triển khai thực hiện đầu tư dự án: Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm.

Điều 10. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Đại hội nhất trí thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Điều 11. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Đại hội nhất trí thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Điều 12. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

Đại hội nhất trí thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

537
TY
AN
SU
AN
TP.

Điều 13. Thi hành Nghị quyết

Đại hội nhất trí ... % thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng có trách nhiệm tổ chức và triển khai các nội dung Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Xuân Bắc





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| MỤC LỤC | Trang |
|--|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 1 - 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| Báo cáo tài chính | |
| • Bảng cân đối kế toán | 6 - 7 |
| • Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8 |
| • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 9 |
| • Thuyết minh Báo cáo tài chính | 10 - 38 |

M.S.O

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Cao su Đà Nẵng) theo Quyết định số 3241/QĐ-BCN ngày 10/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000850 ngày 31/12/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101531) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/11/2020.

Công ty đã thực hiện đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh vào ngày 29/12/2006 với mã chứng khoán là DRC.

Vốn điều lệ: 1.187.926.050.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2021: 1.187.926.050.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô G, Đường Tạ Quang Bửu, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0236.3771405
- Fax: (84) 0236.3771400
- Website: www.drc.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp: Chi tiết: Chế tạo, lắp đặt thiết bị ngành công nghiệp cao su;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá. Chi tiết: Khám chữa bệnh y tế ban đầu cho cán bộ công nhân viên công ty;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su và vật tư; thiết bị cho ngành công nghiệp cao su; kinh doanh thương mại, dịch vụ tổng hợp;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 1.734 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

| | | |
|---------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Xuân Bắc | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| • Ông Hà Phước Lộc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Huy Hiếu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Văn Hiệu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| • Ông Trần Đình Quyền | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| • Ông Lê Hoàng Khánh Nhựt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |

Ban Kiểm soát

| | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Chu Quang Tuấn | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28/04/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Vân Hoa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |
| • Bà Trương Thị Hồng Hoa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/06/2020 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | | |
|---------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Khánh Nhựt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/11/2020 |
| • Ông Hà Phước Lộc | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Thu | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/05/2021 |
| • Ông Phạm Phong Thịnh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 24/11/2020 |
| • Bà Trần Thị Mỹ Lệ | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2021 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Khánh Nhật

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 149/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 28/02/2022 của Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), từ trang 6 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 010321.001/BCTC.KT5 ngày 01/03/2021, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2022

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Thanh'.

Dương Thị Vân Thanh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3671-2021-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.114.195.151.163 | 1.311.509.477.072 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 89.621.165.826 | 188.810.249.299 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 32.621.165.826 | 41.810.249.299 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | 6 | 57.000.000.000 | 147.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 320.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 7.a | 320.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 208.132.201.825 | 131.027.127.773 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 8 | 193.235.345.019 | 127.427.650.614 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 9 | 6.996.027.686 | 1.771.224.000 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 10.a | 9.101.041.294 | 3.166.271.046 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 11 | (1.569.985.775) | (1.357.876.705) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | 12 | 369.773.601 | 19.858.818 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 13 | 1.429.218.154.245 | 787.954.880.563 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.437.232.006.012 | 787.954.880.563 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (8.013.851.767) | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 67.223.629.267 | 53.717.219.437 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 14.a | 47.412.526.628 | 32.138.844.392 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 19.811.102.639 | 21.578.375.045 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.021.747.933.072 | 1.119.200.082.319 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 531.198.925 | 409.748.925 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | 10.b | 531.198.925 | 409.748.925 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 975.466.573.368 | 1.063.601.420.619 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 15 | 969.110.090.272 | 1.058.688.241.066 |
| - Nguyên giá | 222 | | 3.237.790.510.494 | 3.224.664.891.173 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.268.680.420.222) | (2.165.976.650.107) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 16 | 3.618.940.579 | 1.468.035.599 |
| - Nguyên giá | 225 | | 4.142.518.606 | 1.677.754.970 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (523.578.027) | (209.719.371) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 17 | 2.737.542.517 | 3.445.143.954 |
| - Nguyên giá | 228 | | 9.593.841.631 | 9.593.841.631 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (6.856.299.114) | (6.148.697.677) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 235.138.571 | 86.922.720 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 18 | 235.138.571 | 86.922.720 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 7.b | 4.139.216.813 | 3.849.602.111 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 6.069.881.035 | 6.069.881.035 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (1.930.664.222) | (2.220.278.924) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 41.375.805.395 | 51.252.387.944 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14.b | 41.375.805.395 | 51.252.387.944 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 3.135.943.084.235 | 2.430.709.559.391 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.362.012.584.891 | 743.416.771.218 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.359.992.836.134 | 742.184.476.097 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 19 | 406.180.687.837 | 224.126.052.256 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 20 | 142.185.639.068 | 62.011.900.013 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 21 | 12.358.674.914 | 28.464.308.216 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 137.703.101.901 | 100.699.286.845 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 22 | 4.976.115.172 | 1.004.863.874 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 23 | 168.732.272 | 160.697.728 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 24.a | 63.506.163.146 | 2.024.689.838 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 25.a | 572.218.150.996 | 305.544.326.381 |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 26 | 4.547.663.067 | - |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 16.147.907.761 | 18.148.350.946 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 2.019.748.757 | 1.232.295.121 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 24.b | 420.000.000 | 420.000.000 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 25.b | 1.599.748.757 | 812.295.121 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.773.930.499.344 | 1.687.292.788.173 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 27 | 1.773.930.499.344 | 1.687.292.788.173 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 27 | 1.187.926.050.000 | 1.187.926.050.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.187.926.050.000 | 1.187.926.050.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 27 | 323.776.760.879 | 272.513.405.248 |
| 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 27 | 20.750.746.677 | 20.750.746.677 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 27 | 241.476.941.788 | 206.102.586.248 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 27 | 10.044.947.802 | 9.182.110.595 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 27 | 231.431.993.986 | 196.920.475.653 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 3.135.943.084.235 | 2.430.709.559.391 |



Lê Hoàng Khánh Nhựt

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Lệ

Người lập biểu

Phạm Thị Quỳnh Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ | 01 | 29 | 4.635.525.403.051 | 3.818.765.154.762 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 30 | 256.007.166.877 | 172.124.023.201 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ | 10 | | 4.379.518.236.174 | 3.646.641.131.561 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 31 | 3.632.392.425.864 | 3.047.252.893.348 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ | 20 | | 747.125.810.310 | 599.388.238.213 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 32 | 37.188.692.933 | 18.032.626.121 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 33 | 51.017.528.139 | 67.881.320.205 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 9.234.767.876 | 20.188.994.945 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 34.a | 303.043.803.506 | 165.424.975.517 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 34.b | 65.133.158.428 | 62.018.637.199 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 365.120.013.170 | 322.095.931.413 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 35 | 38.326.994 | 67.702.115 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 36 | 1.036.198.119 | 1.635.875.082 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (997.871.125) | (1.568.172.967) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 364.122.142.045 | 320.527.758.446 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 37 | 73.293.845.559 | 64.210.980.293 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 290.828.296.486 | 256.316.778.153 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 38 | 2.448 | 1.939 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 38 | 2.448 | 1.939 |

Lông Giám đốc


Lê Hoàng Khánh Nhựt
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kế toán trưởng


Trần Thị Mỹ Lệ

Người lập biểu


Phạm Thị Quỳnh Nga

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác | 01 | | 4.354.187.696.992 | 3.816.524.884.957 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV | 02 | | (4.196.443.675.869) | (2.462.859.201.380) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (281.342.920.675) | (270.736.176.630) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | 24, 33 | (9.004.347.836) | (20.529.836.312) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | 21 | (88.519.641.643) | (64.233.288.628) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 329.325.922.177 | 35.073.896.690 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (176.016.322.158) | (180.250.259.701) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (67.813.289.012) | 852.990.018.996 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác | 21 | 15 | (10.469.712.982) | (9.147.217.800) |
| 2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác | 22 | 35 | 1.500.000 | 200.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | 7 | (480.000.000.000) | (234.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác | 24 | 7 | 310.000.000.000 | 84.000.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 10, 32 | 7.021.519.854 | 3.681.569.375 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (173.446.693.128) | (155.465.448.425) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 25 | 4.004.214.931.370 | 2.447.665.917.858 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 25 | (3.742.915.867.180) | (2.823.493.924.323) |
| 3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | 25 | (669.946.364) | (406.147.576) |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | 24, 27 | (118.792.603.100) | (178.188.904.650) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 141.836.514.726 | (554.423.058.691) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (99.423.467.414) | 143.101.511.880 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 188.810.249.299 | 45.704.997.626 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ | 61 | | 234.383.941 | 3.739.793 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 89.621.165.826 | 188.810.249.299 |



Tổng Giám đốc

Lê Hoàng Khánh Nhựt

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Lệ

Người lập biểu

Phạm Thị Quỳnh Nga

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Cao su Đà Nẵng) theo Quyết định số 3241/QĐ-BCN ngày 10/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000850 ngày 31/12/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101531) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04 tháng 11 năm 2020.

Công ty đã thực hiện đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh vào ngày 29/12/2006 với mã chứng khoán là DRC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất xăm lốp ô tô, xe máy, xe đạp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp: Chi tiết: Chế tạo, lắp đặt thiết bị ngành công nghiệp cao su;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá. Chi tiết: Khám chữa bệnh y tế ban đầu cho cán bộ công nhân viên công ty;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su và vật tư; thiết bị cho ngành công nghiệp cao su; kinh doanh thương mại, dịch vụ tổng hợp;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua và các khoản nợ vay ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ và có phát sinh nợ vay.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào đơn vị khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 |
| Máy móc, thiết bị | 3 – 20 |
| Phương tiện vận tải | 6 – 20 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 |

4.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá

Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản là giá trị hợp lý của tài sản thuê. Trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu thì giá trị của tài sản thuê là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khấu hao

Chính sách khấu hao tài sản cố định thuê tài chính nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, tài sản thuê tài chính thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Trường hợp Công ty không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê và thời gian thuê ngắn hơn thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê, Công ty thực hiện khấu hao theo thời gian đi thuê.

Thời gian khấu hao tài sản cố định thuê tài chính tại Công ty cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|---------------------|---------------------------------|
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 |

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|---------------------|---------------------------------|
| Phần mềm máy tính | 3 - 5 |

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.13 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.14 Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Công ty phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Công ty do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.21 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.23 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Thuế suất 0%: Áp dụng cho hoạt động xuất khẩu: sẫm, lốp ô tô, xe máy, xe đạp...;
 - ✓ Thuế suất 10%: Áp dụng đối với các mặt hàng: sẫm, lốp ô tô, xe máy, xe đạp... và cung cấp các dịch vụ khác.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--------------------------|--------------|-----------------------|--------------|-----------------------|
| | Ngoại tệ | VND | Ngoại tệ | VND |
| - Tiền mặt tại quỹ (VND) | | 140.880.072 | | 140.165.664 |
| - Tiền gửi ngân hàng | | 32.480.285.754 | | 41.670.083.635 |
| + VND | | 29.393.927.146 | | 24.998.320.774 |
| + USD | 135.825,06 # | 3.074.928.984 | 723.606,77 # | 16.658.732.294 |
| + EUR | 292,30 # | 7.408.828 | 303,22 # | 8.480.297 |
| + SGD | 242,41 # | 4.020.796 | 264,49 # | 4.550.270 |
| Cộng | | 32.621.165.826 | | 41.810.249.299 |

6. Các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|-----------------------|------------------------|
| Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng | 57.000.000.000 | 147.000.000.000 |
| Cộng | 57.000.000.000 | 147.000.000.000 |

7. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến không quá 1 năm | 320.000.000.000 | 320.000.000.000 | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| Cộng | 320.000.000.000 | 320.000.000.000 | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 6.069.881.035 | 1.930.664.222 | 6.069.881.035 | 2.220.278.924 |
| - Công ty CP Philips Carbon Black Việt Nam | 6.069.881.035 | 1.930.664.222 | 6.069.881.035 | 2.220.278.924 |
| Cộng | 6.069.881.035 | 1.930.664.222 | 6.069.881.035 | 2.220.278.924 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam hiện đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục giải thể doanh nghiệp. Tại 31/12/2021, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dựa vào báo cáo tài chính năm gần nhất của Công ty nhận đầu tư (Báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01/4/2020 và kết thúc ngày 31/03/2021) đã được kiểm toán.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Khách hàng trong nước | 77.217.435.869 | 66.047.166.322 |
| Khách hàng ngoài nước | 116.017.909.150 | 61.380.484.292 |
| Cộng | 193.235.345.019 | 127.427.650.614 |

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| Nhà cung cấp trong nước | 2.363.600.171 | 1.771.224.000 |
| Nhà cung cấp nước ngoài | 4.632.427.515 | - |
| Cộng | 6.996.027.686 | 1.771.224.000 |

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|----------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Lãi dự thu | 6.582.115.068 | - | 522.326.027 | - |
| Tạm ứng | 40.000.000 | - | 61.400.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 5.000.000 | - | 5.000.000 | - |
| Ứng trước tiền góp vốn (*) | 2.110.805.620 | - | 2.110.805.620 | - |
| Phải thu khác | 363.120.606 | - | 466.739.399 | - |
| Cộng | 9.101.041.294 | - | 3.166.271.046 | - |

(*) Là số tiền Công ty đã ứng trước cho Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam để góp vốn. Tuy nhiên, đến nay Công ty này vẫn chưa hoàn thành xong thủ tục tăng vốn điều lệ. Năm 2020, Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam đã lập hồ sơ công bố giải thể và đến nay vẫn tiếp tục liên hệ các cơ quan chức năng để hoàn chỉnh và bổ sung đăng ký giải thể doanh nghiệp. Dựa vào giá trị tài sản hiện tại của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam, Công ty đã đánh giá và tin tưởng sẽ thu hồi được đầy đủ công nợ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|-----------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký cược, ký quỹ | 531.198.925 | - | 409.748.925 | - |
| Cộng | 531.198.925 | - | 409.748.925 | - |

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|----------------------|----------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn | 1.569.985.775 | 1.357.876.705 |
| - Từ 3 năm trở lên | 1.115.759.630 | 729.116.251 |
| - Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 381.276.015 | 312.650.365 |
| - Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 72.950.131 | 272.340.011 |
| - Trên 6 tháng đến dưới 1 năm | - | 43.770.078 |
| Cộng | 1.569.985.775 | 1.357.876.705 |

12. Tài sản thiếu chờ xử lý

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------------------------------|--------------------|-------------------|
| Hàng tồn kho thiếu do kiểm kê | 369.773.601 | 19.858.818 |
| Cộng | 369.773.601 | 19.858.818 |

13. Hàng tồn kho

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|-----------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 12.289.970.016 | - | 69.030.077.818 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 719.615.638.755 | 130.811.705 | 399.712.270.657 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 6.623.807 | - | 24.630.701 | - |
| Chi phí SX, KD dở dang | 96.349.739.406 | - | 39.364.864.036 | - |
| Thành phẩm | 538.107.812.272 | 7.883.040.062 | 276.945.219.261 | - |
| Hàng hóa | 1.885.042.004 | - | 2.772.412.131 | - |
| Hàng gửi bán | 68.977.179.752 | - | 105.405.959 | - |
| Cộng | 1.437.232.006.012 | 8.013.851.767 | 787.954.880.563 | - |

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021 là 300 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 38.382.871.025 | 27.282.089.348 |
| Chi phí làm bảng quảng cáo tại Brazil | - | 2.011.698.296 |
| Chi phí thuê quảng cáo | - | 784.710.000 |
| Tiền bảo hiểm hỏa hoạn, rủi ro và bảo hiểm sản phẩm | 916.242.481 | 1.590.615.813 |
| Chi phí sửa chữa | 7.822.352.038 | 99.286.500 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 291.061.084 | 370.444.435 |
| Cộng | 47.412.526.628 | 32.138.844.392 |

b. Dài hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền thuê đất xây dựng Nhà máy sản xuất lốp Radial (i) | 5.742.486.947 | 5.966.220.204 |
| Tiền thuê đất xây dựng Xí nghiệp sản lốp xe đạp, xe máy (ii) | 5.204.321.771 | 5.412.494.641 |
| Tiền thuê đất mở rộng mặt bằng Công ty (iii) | 1.786.486.747 | 1.857.946.216 |
| Tiền thuê đất tại KCN Liên Chiểu (iv) | 28.642.509.930 | 29.792.042.101 |
| Chi phí nâng cao chất lượng lốp Radial | - | 3.394.717.832 |
| Chi phí phụ tùng chờ phân bổ | - | 4.828.966.950 |
| Cộng | 41.375.805.395 | 51.252.387.944 |

(i) Thuê 14.340 m² đất tại Lô M, đường số 4A, KCN Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thuê đất số 07/2009/HĐ-TLĐ/SDN ngày 01/08/2009 và Phụ lục hợp đồng số 03/2010/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 25/06/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng; Thời hạn thuê: 38 năm kể từ 01/08/2009 đến 01/08/2047. Công ty đã trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê.

(ii) Thuê 50.379,40 m² đất tại đường số 7, KCN Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thuê đất số 02/2010/HĐ-TLĐ/SDN ngày 14/05/2010 và Phụ lục hợp đồng số 02/2014/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 01/07/2014 với Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng; Thời hạn thuê đất kể từ 14/05/2010 đến 12/12/2046. Công ty đã trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê.

(iii) Theo Hợp đồng thuê đất số 03/2013/HĐ-TLĐ/SDN ngày 01/01/2013 với Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng và Hợp đồng chuyển nhượng quyền thuê lại đất 0310/2012/HĐCNQTĐ ngày 15/10/2012 với Công ty TNHH Điện hơi Công nghiệp Tín Thành thì Công ty thuê 4.000 m² thuộc khu đất của Dự án Nhà máy sản xuất Hơi sạch-Công ty TNHH Điện hơi Công nghiệp Tín Thành tại Lô G, đường số 3, KCN Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng; Thời hạn thuê đất kể từ 01/11/2012 đến 12/12/2046. Công ty đã trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê.

(iv) Theo Hợp đồng thuê lại đất số 03/2016/DRC-HABAC ngày 21/06/2016 với Công ty TNHH Hà Bắc thì Công ty thuê 47.295,4 m² tại Lô M, đường số 6, KCN Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng; Thời hạn thuê đất kể từ 21/06/2016 đến 12/12/2046. Công ty đã trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | P.tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|---------------------------|--------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 872.807.831.450 | 2.314.335.529.585 | 37.281.737.787 | 239.792.351 | 3.224.664.891.173 |
| Mua sắm trong năm | - | 10.469.712.982 | - | - | 10.469.712.982 |
| Tặng khác | 2.799.148.932 | - | - | - | 2.799.148.932 |
| T/lý, nhượng bán | - | 66.076.275 | - | - | 66.076.275 |
| Giảm khác | 77.166.318 | - | - | - | 77.166.318 |
| Số cuối năm | 875.529.814.064 | 2.324.739.166.292 | 37.281.737.787 | 239.792.351 | 3.237.790.510.494 |
| Khấu hao | | | | | |
| Số đầu năm | 299.299.524.306 | 1.834.924.964.273 | 31.512.369.177 | 239.792.351 | 2.165.976.650.107 |
| Khấu hao trong năm | 36.778.553.502 | 64.818.529.516 | 1.172.763.372 | - | 102.769.846.390 |
| T/lý, nhượng bán | - | 66.076.275 | - | - | 66.076.275 |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 336.078.077.808 | 1.899.677.417.514 | 32.685.132.549 | 239.792.351 | 2.268.680.420.222 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 573.508.307.144 | 479.410.565.312 | 5.769.368.610 | - | 1.058.688.241.066 |
| Số cuối năm | 539.451.736.256 | 425.061.748.778 | 4.596.605.238 | - | 969.110.090.272 |

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 553.431.480.324 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 1.801.986.886.995 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Tài sản cố định thuê tài chính

| | Phương tiện vận tải truyền dẫn | Cộng |
|--------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm | 1.677.754.970 | 1.677.754.970 |
| Thuê tài chính trong năm | 2.464.763.636 | 2.464.763.636 |
| Giảm trong năm | - | - |
| Số cuối năm | 4.142.518.606 | 4.142.518.606 |
| Khấu hao | | |
| Số đầu năm | 209.719.371 | 209.719.371 |
| Khấu hao trong năm | 313.858.656 | 313.858.656 |
| Giảm trong năm | - | - |
| Số cuối năm | 523.578.027 | 523.578.027 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm | 1.468.035.599 | 1.468.035.599 |
| Số cuối năm | 3.618.940.579 | 3.618.940.579 |

17. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 791.638.560 | 8.802.203.071 | 9.593.841.631 |
| Mua trong năm | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 791.638.560 | 8.802.203.071 | 9.593.841.631 |
| Khấu hao | | | |
| Số đầu năm | - | 6.148.697.677 | 6.148.697.677 |
| Khấu hao trong năm | - | 707.601.437 | 707.601.437 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | - | 6.856.299.114 | 6.856.299.114 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 791.638.560 | 2.653.505.394 | 3.445.143.954 |
| Số cuối năm | 791.638.560 | 1.945.903.957 | 2.737.542.517 |

- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 3.219.879.946 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|--------------------|-------------------|
| Dự án nâng công suất nhà máy lốp xe tải Radial | 233.268.571 | - |
| Chi phí khác | 1.870.000 | 86.922.720 |
| Cộng | 235.138.571 | 86.922.720 |

19. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Nhà cung cấp trong nước | 374.241.232.357 | 218.251.222.656 |
| Nhà cung cấp nước ngoài | 31.939.455.480 | 5.874.829.600 |
| Cộng | 406.180.687.837 | 224.126.052.256 |

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Khách hàng trong nước | 12.494.935.181 | 6.171.212.353 |
| Khách hàng nước ngoài | 129.690.703.887 | 55.840.687.660 |
| Cộng | 142.185.639.068 | 62.011.900.013 |

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phải nộp trong năm | Số thực nộp trong năm | Số cuối năm | |
|-----------------------------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-------------|-----------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | | | Phải thu | Phải nộp |
| Thuế giá trị gia tăng | - | - | 2.588.495.191 | 2.580.778.559 | - | 7.716.632 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 120.427.228.456 | 120.427.228.456 | - | - |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | - | 3.066.992.378 | 3.066.992.378 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 27.576.754.366 | 73.293.845.559 | 88.519.641.643 | - | 12.350.958.282 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 887.553.850 | 3.905.282.507 | 4.792.836.357 | - | - |
| Thuế tài nguyên | - | - | 12.227.600 | 12.227.600 | - | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 2.363.437 | 2.363.437 | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 80.778.315 | 80.778.315 | - | - |
| Phí và lệ phí | - | - | 6.000.000 | 6.000.000 | - | - |
| Cộng | - | 28.464.308.216 | 203.383.213.443 | 219.488.846.745 | - | 12.358.674.914 |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Trích trước chiết khấu thương mại | 798.626.353 | - |
| Trích trước chiết khấu thanh toán | 16.540.570 | 14.634.440 |
| Trích trước giảm giá hàng bán | 703.218.795 | - |
| Trích trước chi phí hoa hồng môi giới | 1.709.759.515 | - |
| Trích trước chi phí tiền điện | 383.325.800 | 79.352.930 |
| Các khoản trích trước khác | 1.364.644.139 | 910.876.504 |
| Cộng | 4.976.115.172 | 1.004.863.874 |

23. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|--------------------|--------------------|
| Doanh thu nhận trước | 168.732.272 | 160.697.728 |
| - Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận trước | 168.732.272 | 160.697.728 |
| Cộng | 168.732.272 | 160.697.728 |

24. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 381.636.623 | 22.047.588 |
| Kinh phí công đoàn | 2.223.422.399 | 654.889.877 |
| Cổ tức phải trả | 59.401.875.200 | 5.570.800 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 458.953.270 | 228.533.230 |
| Quỹ an sinh xã hội | 299.134.609 | 683.234.609 |
| Các khoản phải trả khác | 741.141.045 | 430.413.734 |
| Cộng | 63.506.163.146 | 2.024.689.838 |

b. Dài hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 420.000.000 | 420.000.000 |
| Cộng | 420.000.000 | 420.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

| | Đầu năm | | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Cuối năm | |
|--|---------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|
| | Ngoại tệ | VND | | | Ngoại tệ | VND |
| Vay ngắn hạn | | 304.935.105.017 | 4.008.857.417.465 | 3.742.912.292.850 | | 570.880.229.632 |
| <i>VND</i> | - | 189.541.531.574 | 1.729.970.597.422 | 1.744.175.982.750 | - | 175.336.146.246 |
| - Ngân hàng TMCP Quân Đội | - | 20.431.071.549 | 94.967.697.875 | 115.398.769.424 | - | - |
| - Ngân hàng TNHH MTV HSBC (VN) | - | 63.331.109.732 | 720.079.215.811 | 628.294.902.668 | - | 155.115.422.875 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển VN_CN Hải Vân | - | 105.779.350.293 | 914.923.683.736 | 1.000.482.310.658 | - | 20.220.723.371 |
| <i>USD</i> | 4.971.788,80 | 115.393.573.443 | 2.278.886.820.043 | 1.998.736.310.100 | 17.256.551,31 | 395.544.083.386 |
| - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - CN Đà Nẵng | 207.793,00 | 4.827.031.390 | - | 4.827.031.390 | - | - |
| - Ngân hàng TMCP Công thương VN_CN Ngũ Hành Sơn | 499.550,00 | 11.587.062.250 | 376.200.963.432 | 363.142.833.112 | 1.069.902,00 | 24.645.192.570 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển VN_CN Hải Vân | 785.177,80 | 18.208.273.183 | 271.941.069.896 | 233.457.638.980 | 2.477.784,27 | 56.691.704.099 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN_CN Đà Nẵng | 3.479.268,00 | 80.771.206.620 | 1.630.744.786.715 | 1.397.308.806.618 | 13.708.865,04 | 314.207.186.717 |
| Nợ thuê tài chính | | 609.221.364 | 1.398.646.364 | 669.946.364 | | 1.337.921.364 |
| <i>VND</i> | - | 609.221.364 | 1.398.646.364 | 669.946.364 | - | 1.337.921.364 |
| Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (*) | - | 609.221.364 | 609.221.364 | 609.221.364 | - | 609.221.364 |
| Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (**) | - | - | 789.425.000 | 60.725.000 | - | 728.700.000 |
| Cộng | 4.971.788,80 | 305.544.326.381 | 4.010.256.063.829 | 3.743.582.239.214 | 17.256.551,31 | 572.218.150.996 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

| | Đầu năm | | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Cuối năm | |
|--|----------|----------------------|----------------------|--------------------|----------|----------------------|
| | Ngoại tệ | VND | | | Ngoại tệ | VND |
| Nợ thuê tài chính | | 1.421.516.485 | 2.186.100.000 | 669.946.364 | | 2.937.670.121 |
| VND | - | 1.421.516.485 | 2.186.100.000 | 669.946.364 | - | 2.937.670.121 |
| - Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (*) | - | 1.421.516.485 | - | 609.221.364 | - | 812.295.121 |
| - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (**) | - | - | 2.186.100.000 | 60.725.000 | - | 2.125.375.000 |
| Cộng | - | 1.421.516.485 | 2.186.100.000 | 669.946.364 | - | 2.937.670.121 |
| Trong đó: | | | | | | |
| - Nợ thuê tài chính trong vòng 1 năm | | 609.221.364 | | | | 1.337.921.364 |
| VND | - | 609.221.364 | | | - | 1.337.921.364 |
| - Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | - | 609.221.364 | | | - | 609.221.364 |
| - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | - | - | | | - | 728.700.000 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | - | 812.295.121 | | | - | 1.599.748.757 |

(*) Thuê tài chính với Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng số 2020-00013-000 ngày 16/03/2020 về thuê xe ô tô Peugeot Traveller Luxury, mới 100%. Thời hạn thuê là 36 tháng kể từ thời điểm nhận nợ đầu tiên. Lãi suất thuê 7,5%/năm, cố định trong suốt thời hạn thuê.

(**) Thuê tài chính với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số 74.21.14/CTTC ngày 15/11/2021 về thuê xe ô tô 5 chỗ BMW. Thời hạn thuê là 36 tháng kể từ thời điểm nhận nợ đầu tiên. 6 tháng đầu, lãi suất cho thuê được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân hình thức trả lãi sau do Vietcombank CN TP.HCM công bố thời điểm đó cộng (+) biên độ 1,5%/năm. Thời gian còn lại (+) biên độ 2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|----------------------------|----------------------|------------|
| Dự phòng bảo hành sản phẩm | 4.547.663.067 | - |
| Cộng | 4.547.663.067 | - |

27. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|-----------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------|---|
| Số dư tại 01/01/2020 | 1.187.926.050.000 | 222.408.116.818 | 20.750.746.677 | 201.006.383.819 |
| Tăng trong năm | - | 50.105.288.430 | - | 256.316.778.153 |
| Giảm trong năm | - | - | - | 251.220.575.724 |
| Số dư tại 31/12/2020 | 1.187.926.050.000 | 272.513.405.248 | 20.750.746.677 | 206.102.586.248 |
| Số dư tại 01/01/2021 | 1.187.926.050.000 | 272.513.405.248 | 20.750.746.677 | 206.102.586.248 |
| Tăng trong năm | - | 51.263.355.631 | - | 290.828.296.486 |
| Giảm trong năm | - | - | - | 255.453.940.946 |
| Số dư tại 31/12/2021 | 1.187.926.050.000 | 323.776.760.879 | 20.750.746.677 | 241.476.941.788 |

b. Cổ phiếu

| | 31/12/2021 Cổ phiếu | 01/01/2021 Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 118.792.605 | 118.792.605 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 118.792.605 | 118.792.605 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 118.792.605 | 118.792.605 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 118.792.605 | 118.792.605 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 118.792.605 | 118.792.605 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận năm trước chuyển sang | 206.102.586.248 | 201.006.383.819 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay | 290.828.296.486 | 256.316.778.153 |
| Phân phối lợi nhuận | 255.453.940.946 | 251.220.575.724 |
| - Phân phối lợi nhuận năm trước (*) | 196.057.638.446 | 191.824.273.224 |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển | 51.263.355.631 | 50.105.288.430 |
| + Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành | 370.000.000 | 379.000.000 |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 25.631.677.815 | 22.547.379.794 |
| + Trả cổ tức | 118.792.605.000 | 118.792.605.000 |
| - Tạm phân phối lợi nhuận năm nay | 59.396.302.500 | 59.396.302.500 |
| + Trả cổ tức | 59.396.302.500 | 59.396.302.500 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm | 241.476.941.788 | 206.102.586.248 |

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/04/2021 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 15% vốn điều lệ (tương ứng 178.188.907.500 đồng). Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 5%/mệnh giá vào ngày 14/12/2020 theo Nghị quyết số 19/NQ-DRC-HĐQT ngày 26/10/2020. Ngày 12/05/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt phương án chi trả cổ tức còn lại bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%/ mệnh giá theo Nghị quyết số 18/NQ-DRC-HĐQT ngày 12/05/2021, ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 08/06/2021, ngày thực hiện chi trả: 28/06/2021.

Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%/mệnh giá theo Nghị quyết số 30/NQ-DRC-HĐQT ngày 02/12/2021, ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 20/12/2021, ngày thực hiện chi trả: 14/01/2022.

28. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---------------------------|---------------|---------------|
| Tài sản nhận giữ hộ (VND) | 395.863.720 | 395.863.720 |
| Ngoại tệ các loại | | |
| + USD | 135.825,06 | 723.606,77 |
| + EUR | 292,30 | 303,22 |
| + SGD | 242,41 | 264,49 |
| Nợ khó đòi đã xử lý (VND) | 2.319.374.288 | 2.319.374.288 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán sản phẩm xe đạp | 251.550.026.294 | 213.346.401.306 |
| Doanh thu bán sản phẩm xe máy | 340.096.798.494 | 331.590.148.049 |
| Doanh thu bán sản phẩm lốp, yếm ô tô | 4.029.515.128.166 | 3.260.361.884.297 |
| Doanh thu bán cao su kỹ thuật | 7.788.531.434 | 6.518.589.424 |
| Doanh thu bán vật tư, phế phẩm | 5.113.143.869 | 4.966.111.966 |
| Doanh thu khác | 1.461.774.794 | 1.982.019.720 |
| Cộng | 4.635.525.403.051 | 3.818.765.154.762 |

30. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Chiết khấu thương mại | 244.451.833.466 | 161.122.007.770 |
| Giảm giá hàng bán | 9.302.051.794 | 10.047.264.026 |
| Hàng bán bị trả lại | 2.253.281.617 | 954.751.405 |
| Cộng | 256.007.166.877 | 172.124.023.201 |

31. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn bán sản phẩm xe đạp | 199.547.134.826 | 170.193.394.439 |
| Giá vốn bán sản phẩm xe máy | 269.088.286.757 | 267.386.407.253 |
| Giá vốn bán sản phẩm lốp, yếm ô tô | 3.158.435.092.154 | 2.603.305.065.268 |
| Giá vốn bán cao su kỹ thuật | 3.493.629.688 | 3.703.603.987 |
| Giá vốn bán vật tư, phế phẩm | 1.498.110.436 | 1.819.250.739 |
| Giá vốn khác | 330.172.003 | 845.171.662 |
| Cộng | 3.632.392.425.864 | 3.047.252.893.348 |

32. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 13.081.308.895 | 4.191.292.662 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 24.107.384.038 | 13.841.333.459 |
| Cộng | 37.188.692.933 | 18.032.626.121 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí tài chính

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 9.234.767.876 | 20.188.994.945 |
| Chiết khấu thanh toán | 33.932.743.155 | 42.416.160.846 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 8.139.631.810 | 6.064.882.747 |
| Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư | (289.614.702) | (788.718.333) |
| Cộng | <u>51.017.528.139</u> | <u>67.881.320.205</u> |

34. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền lương nhân viên bán hàng | 26.179.946.195 | 28.551.581.593 |
| Chi phí sản phẩm, bao bì vật liệu | 387.214.384 | 137.274.003 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.377.115.698 | 3.398.356.310 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 256.129.844.961 | 128.304.157.554 |
| Các khoản khác | 16.969.682.268 | 5.033.606.057 |
| Cộng | <u>303.043.803.506</u> | <u>165.424.975.517</u> |

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 42.585.551.587 | 44.386.788.756 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 4.974.164.483 | 2.582.234.588 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.255.017.954 | 2.081.503.369 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi | 212.109.070 | (14.855.251) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.034.673.184 | 9.530.847.070 |
| Các khoản khác | 3.071.642.150 | 3.452.118.667 |
| Cộng | <u>65.133.158.428</u> | <u>62.018.637.199</u> |

35. Thu nhập khác

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-------------------|-------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 1.500.000 | 200.000 |
| Các khoản khác | 36.826.994 | 67.502.115 |
| Cộng | <u>38.326.994</u> | <u>67.702.115</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Chi phí khác

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền phạt, chậm nộp thuế | 36.198.119 | 135.875.082 |
| Chi ủng hộ lũ lụt miền trung và phòng chống Covid-19 | 1.000.000.000 | 1.500.000.000 |
| Cộng | 1.036.198.119 | 1.635.875.082 |

37. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 364.122.142.045 | 320.527.758.446 |
| Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế | (412.754.861) | 527.143.025 |
| - Điều chỉnh tăng | 2.716.812.156 | 657.936.918 |
| + Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay | 720.059.329 | 135.342.466 |
| + Chi phụ cấp HDQT không trực tiếp điều hành | 402.000.000 | 363.000.000 |
| + Thuế truy thu, tiền phạt, chậm nộp thuế | 36.198.119 | 135.875.082 |
| + Các khoản CP không tính vào CP tính thuế | 52.969.766 | 23.719.370 |
| + Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước thành đã thực hiện năm nay | 3.739.794 | - |
| + Chiết khấu thương mại trích trước | 798.626.353 | - |
| + Giảm giá hàng bán trích trước | 703.218.795 | - |
| - Điều chỉnh giảm | 3.129.567.017 | 130.793.893 |
| + Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước năm 2020 | 2.759.840.610 | - |
| + Lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá năm nay | 234.383.941 | 127.054.099 |
| + Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước thành đã thực hiện năm nay | 135.342.466 | 3.739.794 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 363.709.387.184 | 321.054.901.471 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 73.293.845.559 | 64.210.980.294 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay | 72.741.877.437 | 64.210.980.294 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | 551.968.122 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|-----------------|------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 290.828.296.486 | 256.316.778.153 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế | - | (26.001.677.815) |
| - Điều chỉnh tăng | - | - |
| - Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành) | - | 26.001.677.815 |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 290.828.296.486 | 230.315.100.338 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 118.792.605 | 118.792.605 |
| Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu | 2.448 | 1.939 |

- Chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ và Đại hội đồng Cổ đông không quy định trích lập các quỹ này. Theo đó, chỉ tiêu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định sau này của Đại hội đồng Cổ đông.
- Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm 2020 được điều chỉnh giảm căn cứ vào số liệu phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021. Theo đó, Đại hội đã thông qua số liệu trích lập của Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành là 26.001.677.815 đồng.

39. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 3.372.023.406.754 | 2.047.101.237.938 |
| Chi phí nhân công | 372.000.282.595 | 333.827.370.265 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 103.791.306.483 | 210.391.671.085 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 384.715.693.840 | 232.178.122.562 |
| Chi phí khác bằng tiền | 147.510.770.155 | 85.584.199.790 |
| Cộng | 4.380.041.459.827 | 2.909.082.601.640 |

40. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm săm lốp xe đạp, xe máy, ô tô. Doanh thu các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Chi tiết doanh thu và giá vốn của các hoạt động đã được trình bày tại Thuyết minh số 29 và Thuyết minh số 31. Sau đây là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

| | Trong nước | Ngoài nước | Tổng cộng |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | | | |
| + Năm 2021 | 1.921.751.756.186 | 2.457.766.479.988 | 4.379.518.236.174 |
| + Năm 2020 | 1.900.648.603.155 | 1.745.992.528.406 | 3.646.641.131.561 |
| Nợ phải thu khách hàng | | | |
| + Tại ngày 31/12/2021 | 77.217.435.869 | 116.017.909.150 | 193.235.345.019 |
| + Tại ngày 31/12/2020 | 66.047.166.322 | 61.380.484.292 | 127.427.650.614 |

41. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|------------------------------|---------------|--------------|
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền | | |
| - USD | 135.825,06 | 723.606,77 |
| - EUR | 292,30 | 303,22 |
| - SGD | 242,41 | 264,49 |
| Phải thu khách hàng (USD) | 5.136.945,28 | 2.415.595,60 |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Các khoản vay và nợ (USD) | 17.256.551,31 | 4.971.788,80 |
| Phải trả người bán (USD) | 1.393.519,00 | 253.280,00 |

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên phụ liệu, vật tư, thiết bị từ nhà cung cấp trong nước và nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng trực tiếp với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi, đôn đốc tình hình thu hồi nợ để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đối với các khách hàng ở nước ngoài, Công ty thường qui định phương thức thanh toán trong Hợp đồng là thanh toán bằng L/C. Đối với những khách hàng không thanh toán đúng hạn, Công ty đã thực hiện phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng, đồng thời tiến hành các thủ tục khởi kiện dân sự. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

| 31/12/2021 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| Phải trả người bán | 406.180.687.837 | - | 406.180.687.837 |
| Chi phí phải trả | 4.976.115.172 | - | 4.976.115.172 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 572.218.150.996 | 1.599.748.757 | 573.817.899.753 |
| Phải trả khác | 60.601.969.515 | 420.000.000 | 61.021.969.515 |
| Cộng | 1.043.976.923.520 | 2.019.748.757 | 1.045.996.672.277 |

| 01/01/2021 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| Phải trả người bán | 224.126.052.256 | - | 224.126.052.256 |
| Chi phí phải trả | 1.004.863.874 | - | 1.004.863.874 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 305.544.326.381 | 812.295.121 | 306.356.621.502 |
| Phải trả khác | 664.517.764 | 420.000.000 | 1.084.517.764 |
| Cộng | 531.339.760.275 | 1.232.295.121 | 532.572.055.396 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

| 31/12/2021 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 89.621.165.826 | - | 89.621.165.826 |
| Đầu tư tài chính | 320.000.000.000 | 4.139.216.813 | 324.139.216.813 |
| Phải thu khách hàng | 191.665.359.244 | - | 191.665.359.244 |
| Phải thu khác | 9.061.041.294 | 531.198.925 | 9.592.240.219 |
| Cộng | 610.347.566.364 | 4.670.415.738 | 615.017.982.102 |

| 01/01/2021 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 188.810.249.299 | - | 188.810.249.299 |
| Đầu tư tài chính | 150.000.000.000 | 3.849.602.111 | 153.849.602.111 |
| Phải thu khách hàng | 126.069.773.909 | - | 126.069.773.909 |
| Phải thu khác | 3.104.871.046 | 409.748.925 | 3.514.619.971 |
| Cộng | 467.984.894.254 | 4.259.351.036 | 472.244.245.290 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

42. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

| | Mối quan hệ |
|--|----------------------|
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | Công ty mẹ |
| Công ty CP Philips Carbon Black Việt Nam | Công ty nhận đầu tư |
| Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất | Chung công ty đầu tư |

b. Số dư với các bên liên quan

| | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|---------------------|---------------|---------------|
| Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất | Trả trước người bán | 139.621.500 | - |
| Công ty CP Philips Carbon Black Việt Nam | Phải thu khác | 2.110.805.620 | 2.110.805.620 |

c. Thù lao, tiền lương, thưởng của các thành viên chủ chốt

| | Chức vụ | Năm 2021 | Năm 2020 |
|-------------------------|--------------------------|---------------|-------------|
| Ông Nguyễn Xuân Bắc | Chủ tịch HĐQT | 99.000.000 | 45.000.000 |
| Ông Lê Hoàng Khánh Nhật | Thành viên HĐQT | 87.000.000 | 87.000.000 |
| | Tổng Giám đốc | 1.223.096.000 | 814.812.198 |
| Ông Hà Phước Lộc | Thành viên HĐQT | 87.000.000 | 87.000.000 |
| | Phó Tổng Giám đốc | 959.824.000 | 725.093.198 |
| Ông Nguyễn Huy Hiếu | Thành viên HĐQT | 87.000.000 | 87.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Thành viên HĐQT | 87.000.000 | 39.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Hiệu | Thành viên HĐQT | 87.000.000 | 87.000.000 |
| Ông Trần Đình Quyền | Thành viên HĐQT | 87.000.000 | 87.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Thu | Phó Tổng Giám đốc | 899.152.000 | - |
| | Trưởng Ban Kiểm soát | - | 673.248.267 |
| Ông Phạm Phong Thịnh | Phó Tổng Giám đốc | 870.340.000 | 120.544.000 |
| Bà Trần Thị Mỹ Lệ | Kế toán trưởng | 818.466.000 | 679.737.267 |
| Ông Chu Quang Tuấn | Trưởng Ban Kiểm soát | 489.533.000 | - |
| Bà Trương Thị Hồng Hoa | Thành viên Ban Kiểm soát | 311.802.000 | 265.080.575 |
| Bà Nguyễn Thị Vân Hoa | Thành viên Ban Kiểm soát | 57.000.000 | 57.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

43. Sự kiện quan trọng trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch, trong đó có hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội. Do đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó đã có nhiều biện pháp chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý và điều hành kinh doanh Công ty với mục tiêu kép “vừa sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo phòng chống dịch” để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định và phát triển.

44. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

45. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Các báo cáo này đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.


Tổng Giám đốc 
Lê Hoàng Khánh Nhựt

Kế toán trưởng



Trần Thị Mỹ Lệ

Người lập biểu



Phạm Thị Quỳnh Nga

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2022